

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thùy Linh  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thùy Linh  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Thuỳ Linh

Mã SV: 1513401012

Lớp: QTL901K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

### **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).**

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
  
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.
  
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.

### **2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**

- Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC trong 2 năm gần đây.
- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.

### **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: **Nguyễn Đức Kiên**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp cấp cử nhân.
- Định hướng cách hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị***

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP</b>	<b>3</b>
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu .....	5
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu.....	7
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	8
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	8
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	13
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán .....	14
1.5.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh kinh doanh.....	20
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	22
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác .....	27
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	31
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	34
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC .....</b>	<b>38</b>
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	38
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC. .	38
2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	39
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.	40
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC. ....	41
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	42
2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	42

2.2.1.1. Nội dung kế toán doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	42
2.2.1.2. Nội dung kế toán giá vốn hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	51
2.2.1.3. Nội dung kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	54
2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	61
2.2.3. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	65
2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	65
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC .....</b>	<b>87</b>
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	87
3.1.1. Ưu điểm.....	87
3.1.2. Hạn chế.....	88
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh .....	88
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh .....	88
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	89
3.4.1. Kiến nghị 1: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí.....	89
3.4.2. Kiến nghị 2: Trích kinh phí công đoàn tính vào chi phí .....	92
3.4.3. Kiến nghị 3: Ứng dụng phần mềm kế toán .....	94
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....	98
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	98
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	98
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>99</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>100</b>

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) .....	10
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp). .....	11
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trả chậm, trả góp. ....	11
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao đại lý).....	12
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên. ....	18
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp thương mại. ....	19
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ.....	20
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh. ....	22
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	25
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	26
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán thu nhập hoạt động khác.....	29
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động khác.....	30
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	33
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	34
Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái. ....	35
Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	36
Sơ đồ 1.18: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy.....	37
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công Ty TNHH Quản lý Tàu biển TTC.....	40
Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán tại Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC .....	41
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung .....	42



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Số liệu chứng minh cho sự phát triển của 2 năm gần đây về các chỉ tiêu tài chính. ....	39
Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT .....	44
Biểu số 2.3 : Hoá đơn GTGT .....	45
Biểu số 2.4 : Giấy báo có .....	46
Biểu số 2.5 : Hoá đơn GTGT .....	47
Biểu số 2.6 : Phiếu thu .....	48
Biểu số 2.7 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2015.....	49
Biểu số 2.8 : Trích sổ cái TK511 năm 2015 : .....	50
Biểu số 2.9 : Phiếu kế toán.....	51
Biểu số 2.10 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2015.....	52
Biểu số 2.11 : Trích sổ cái TK632 năm 2015 : .....	53
Biểu số 2.12 : Hoá đơn GTGT .....	55
Biểu số 2.13 : Phiếu chi.....	56
Biểu số 2.14: Bảng phân bổ tiền lương tháng 12/2015.....	57
Biểu số 2.15 : Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12. ....	58
Biểu số 2.16: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2015 .....	59
Biểu số 2.17: Trích Sổ cái 642 .....	60
Biểu số 2.18 : Giấy báo có .....	62
Biểu số 2.19 : Trích sổ nhật ký chung năm 2015.....	63
Biểu số 2.20 : Trích sổ cái 515.....	64
Biểu số 2.21 : Phiếu kế toán PKT21.12 .....	66
Biểu số 2.22 : Phiếu kế toán PKT22.12 .....	67
Biểu số 2.23 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2015.....	68
Biểu số 2.24 : Trích sổ cái TK511 năm 2015 : .....	69
Biểu số 2.25 : Trích sổ cái TK515 năm 2015 : .....	70
Biểu số 2.26 : Trích sổ cái TK632 năm 2015 : .....	71
Biểu số 2.27 : Trích sổ cái TK642 năm 2015 : .....	72
Biểu số 2.28 : Trích sổ cái TK911 năm 2015 : .....	73
Biểu số 2.29 : Phiếu kế toán.....	74
Biểu số 2.30 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2015.....	75
Biểu số 2.31 : Trích sổ cái TK821 năm 2015 : .....	76

Biểu số 2.32 : Phiếu kế toán PKT24.12 .....	77
Biểu số 2.33 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2015.....	78
Biểu số 2.34 : Trích sổ cái TK821 năm 2015 : .....	79
Biểu số 2.35 : Trích sổ cái TK911 năm 2015 : .....	80
Biểu số 2.36 : Phiếu kế toán PKT25.12 .....	81
Biểu số 2.37 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2015.....	82
Biểu số 2.38 : Trích sổ cái TK911 năm 2015 : .....	83
Biểu số 2.39 : Trích sổ cái TK421 năm 2015 : .....	84
Biểu số 2.40 : Bảng cân đối tài khoản năm 2015.....	85
Biểu số 2.41. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	86
Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng.....	90
Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh .....	91
Biểu số 3.3: Bảng phân bổ tiền lương.....	93

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<i>Ký hiệu viết tắt</i>	<i>Chữ viết tắt</i>
GTGT	Giá trị gia tăng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
DT	Doanh thu
XK	Xuất khẩu
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
DTBH	Doanh thu bán hàng
DN	Doanh nghiệp
BĐSĐT	Bất động sản đầu tư
NVL	Nguyên vật liệu
CCDC	Công cụ dụng cụ
TP	Thành phẩm
SP	Sản phẩm
QL	Quản lý
SXDK	Sản xuất kinh doanh
BVMT	Bảo vệ môi trường

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Vận tải tàu biển là 1 ngành quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập nền kinh tế toàn cầu thì ngành vận tải tàu biển có vai trò hết sức quan trọng, làm cầu nối câu thông hàng hóa giữa các nước trong khu vực cũng như các nước trên toàn thế giới. Do đó các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải xuất hiện ngày càng nhiều tạo nên sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty vận tải ở trong và ngoài nước.

Trong bối cảnh đó, để đứng vững trên thương trường trong nước cũng như quốc tế, các doanh nghiệp luôn gia sức tìm kiếm khách hàng mục tiêu, đảm bảo cho sự phát triển của doanh nghiệp. Để đạt được điều đó, các doanh nghiệp phải đảm bảo chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng, phải đưa ra những biện pháp đúng đắn về chiến lược kinh doanh, chiến lược giá cả nhằm thu hút khách hàng tạo lợi thế cạnh tranh trên thương trường trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó công ty phải tổ chức công tác quản lý tốt, công tác kế toán tốt, theo dõi tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách chặt chẽ. Muốn vậy thì bộ phận kế toán phải cung cấp thông tin kịp thời, đáng tin cậy về tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho Ban giám đốc để Ban giám đốc có thể nắm rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp mình. Thông qua Báo cáo tài chính cuối niên độ, cụ thể là Báo cáo kết quả kinh doanh Ban giám đốc sẽ biết được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình sau một năm là lãi hay lỗ, phân tích nguyên nhân kết quả đạt được, từ đó đề ra những chiến lược và quyết định kinh doanh một cách đúng đắn trong thời gian tới.

Nhận thấy tầm quan trọng của việc xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, được sự chấp thuận của Ban giám đốc Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC cùng sự hướng dẫn của thạc sỹ Nguyễn Đức Kiên, em xin chọn đề tài nghiên cứu **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

## **2. Mục đích nghiên cứu của đề tài**

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC năm 2015.

## **4. Phương pháp nghiên cứu.**

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

## **5. Kết cấu của khóa luận.**

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận, gồm 03 chương nội dung:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.

# **CHƯƠNG 1**

## **LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP**

### **1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

#### **\*Bán hàng:**

Theo quan niệm cổ điển: “Bán hàng là hoạt động thực hiện sự trao đổi sản phẩm hay dịch vụ của người bán chuyên cho người mua để được nhận lại từ người mua tiền, vật phẩm hoặc giá trị trao đổi đã thỏa thuận”

Theo một số quan điểm hiện đại phổ biến thì khái niệm bán hàng được định nghĩa như sau:

- Bán hàng là nền tảng trong kinh doanh đó là sự gặp gỡ của người bán và người mua ở những nơi khác nhau giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu nếu cuộc gặp gỡ thành công trong cuộc đàm phán về việc trao đổi sản phẩm
- Bán hàng là quá trình liên hệ với khách hàng tiềm năng tìm hiểu nhu cầu khách hàng, trình bày và chứng minh sản phẩm, đàm phán mua bán, giao hàng và thanh toán .
- Bán hàng là sự phục vụ, giúp đỡ khách hàng nhằm cung cấp cho khách hàng những thứ mà họ muốn

#### **\*Sản phẩm tiêu thụ:**

Tiêu thụ sản phẩm là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tiêu thụ sản phẩm là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hoá, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

**\*Doanh thu:**

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chuẩn mực số 14 Doanh thu và Thu nhập khác ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định như sau:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

**\*Doanh thu thuần:**

Doanh thu thuần là khoản doanh thu bán hàng sau khi đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính Doanh thu thuần (=) doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (-) các khoản giảm trừ doanh thu.

**\*Thời điểm ghi nhận doanh thu:**

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán về số lượng hàng hóa hay dịch vụ cho người bán.

**\*Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:**

Các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

*- Hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (lãi hay lỗ về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong báo cáo kết quả kinh

doanh chỉ tiêu này được gọi là “Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh”

$\text{Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$

- *Hoạt động tài chính và kết quả hoạt động tài chính:*

Hoạt động tài chính là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn nhằm mục đích kiếm lời.

Kết quả hoạt động tài chính (lãi hay lỗ từ hoạt động tài chính) là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính và các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.

$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$

- *Hoạt động khác và kết quả hoạt động khác:*

Hoạt động khác là hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện, khác hoạt động khác như thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu được tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, thu được khoản nợ khó đòi đã xóa sổ....

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác với chi phí khác.

$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập thuần từ hoạt động khác} - \text{Chi phí từ hoạt động khác}$

## **1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng bộ tài chính.

**\*Doanh thu bán hàng:** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



(d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**\* Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**\*Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

(a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

(b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**\*Thu nhập khác:** Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;

- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;

- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;

- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;

- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;

- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;

- Các khoản thu khác.

### **1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu**

- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sản phẩm hàng hóa bán ra thuộc diện chịu VAT thì doanh thu là giá không bao gồm VAT.
- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là giá bao gồm cả VAT.
- Với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là giá bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.
- Với doanh nghiệp bán hàng theo hình thức trả chậm, trả góp thì doanh thu là giá trả tiền 1 lần từ đầu (nhưng trả làm nhiều kỳ), không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp. Lãi trả chậm, trả góp hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hàng kỳ.
- Với những doanh nghiệp nhận gia công hàng hóa vật tư thì doanh thu là số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm trị giá vật tư hàng hóa nhận về gia công chế biến nay xuất trở lại.
- Với doanh nghiệp làm đại lý thì doanh thu là số tiền hoa hồng thực tế được hưởng, không bao gồm số tiền thu được từ bán hàng.
- Doanh nghiệp cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê cho nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm tài chính được xác định bằng tổng số tiền nhận trước chia cho số năm trả trước.
- Đối với sản phẩm hàng hóa đã xác định là tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại hay yêu cầu giảm giá do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng hoặc khi người mua mua với số lượng lớn được hưởng chiết khấu, kế toán sẽ theo dõi chi tiết trên TK 5211,5212,5213.
- Các trường hợp không được hạch toán vào TK511:
  - +Nợ khó đòi đã xử lý nay đòi được
  - +Các khoản nợ không có người đòi
  - +Các khoản thu nhập khác như phạt vi phạm hợp đồng

### **1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu: ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh.
- Nhiệm vụ của kế toán chi phí: ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh.

- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh: ghi chép, phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh đúng.

## **1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ**

### **1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **\*Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu tiền
- Giấy báo có,...

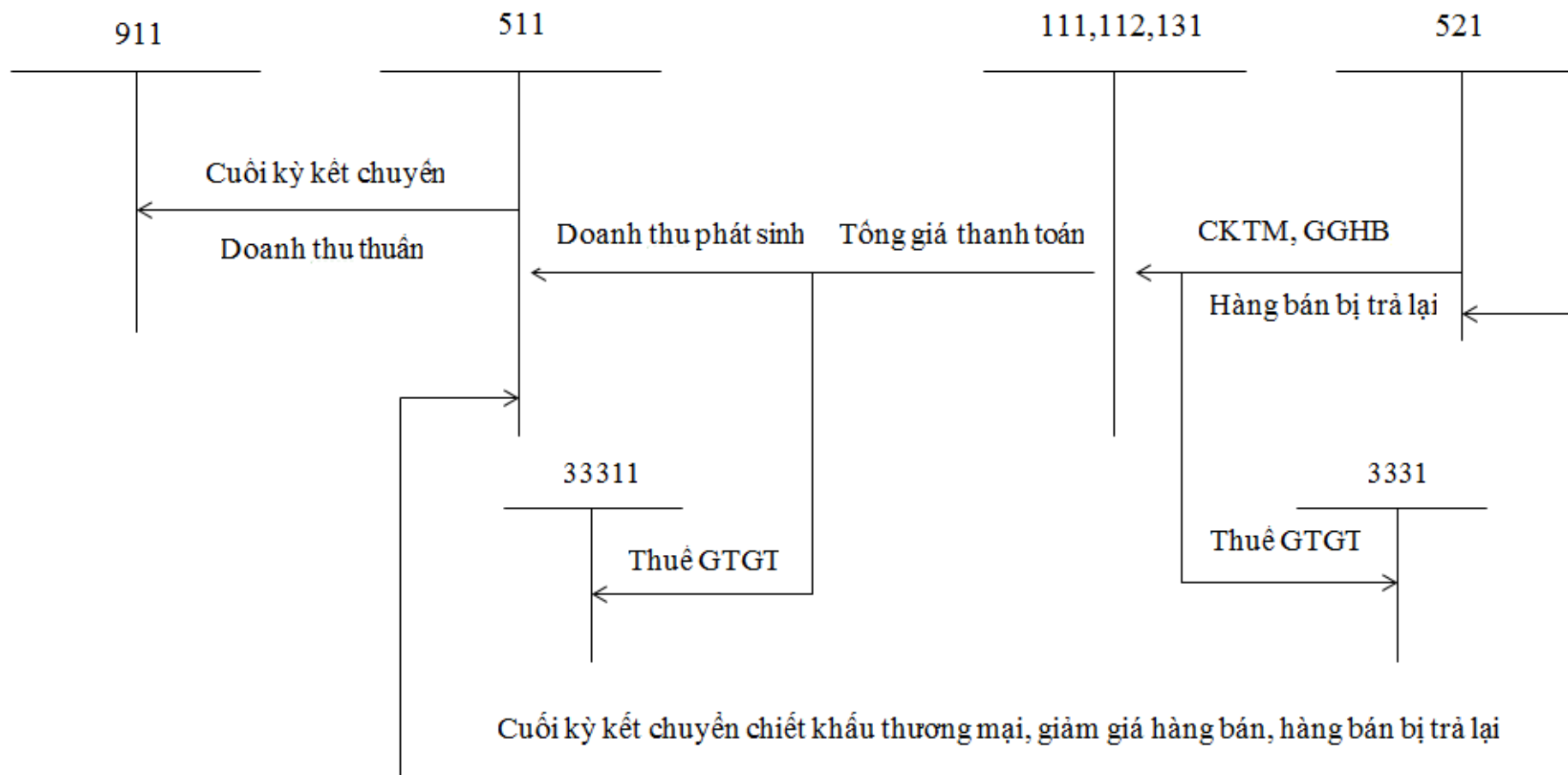
#### **\*Tài khoản sử dụng:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa hay cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2:
  - +TK5111 - *Doanh thu bán hàng hoá*: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hoá đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hoá, vật tư, lương thực, ...
  - +TK5112 - *Doanh thu bán các thành phẩm*: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (Thành phẩm, bán thành phẩm) đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, ...
  - +TK5113 - *Doanh thu cung cấp dịch vụ*: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán, ...
  - +Tài khoản 5117 - *Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

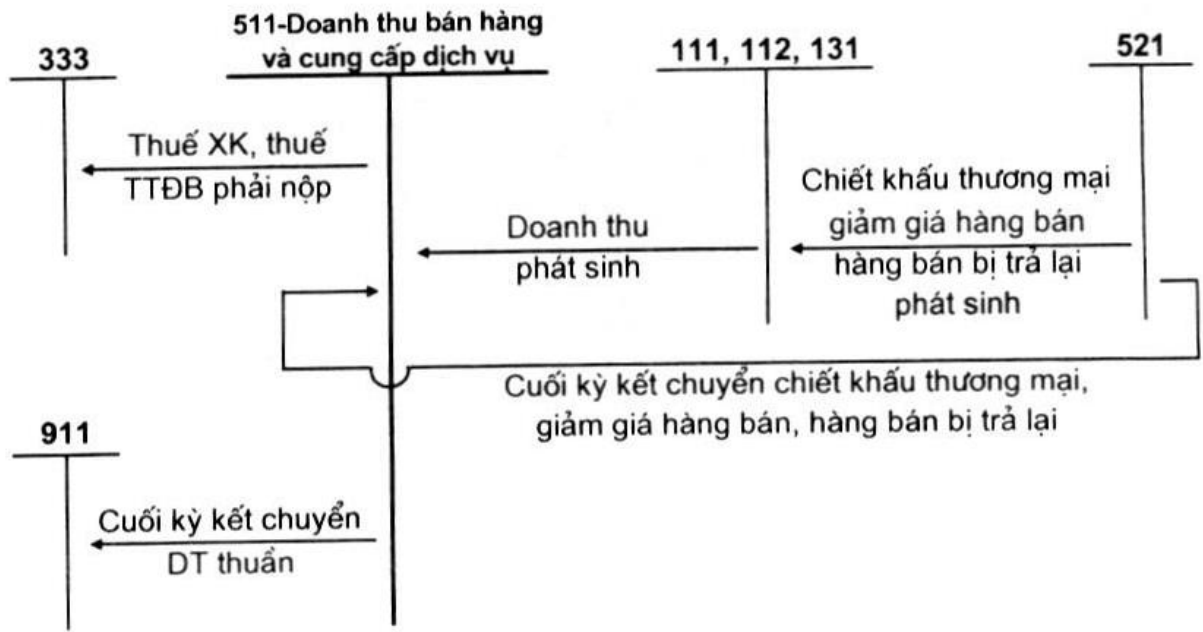
- +TK5118: *Doanh thu khác*: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...
- Bên Nợ:
  - +Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
  - +Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
  - +Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
  - +Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
  - +Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
  - +Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
- Tk511 không có số dư cuối kỳ.

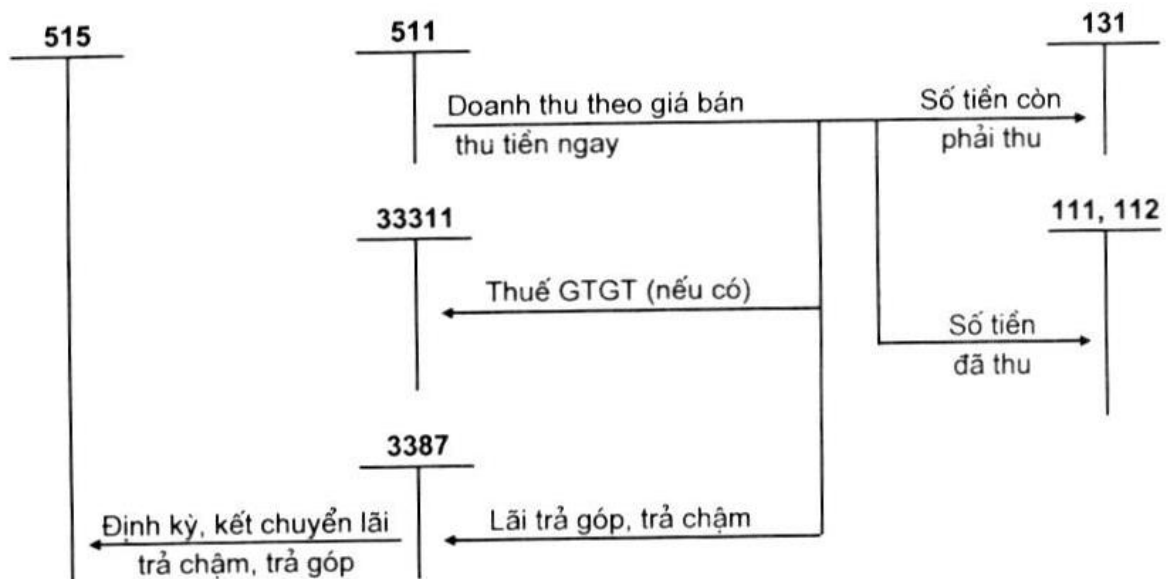
**\*Phương pháp hạch toán:**



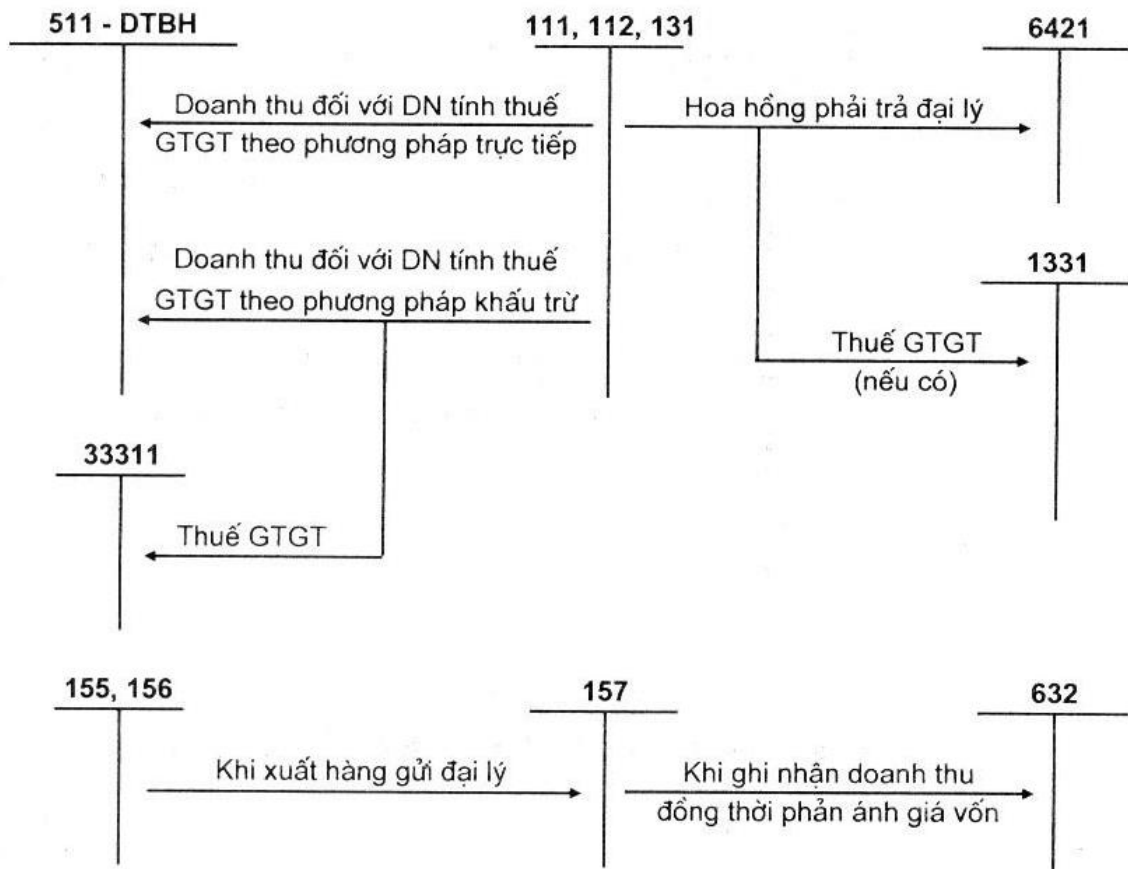
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trả chậm, trả góp.



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao đại lý).

## **1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

### **\*Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu chi, Giấy báo nợ, ...
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại

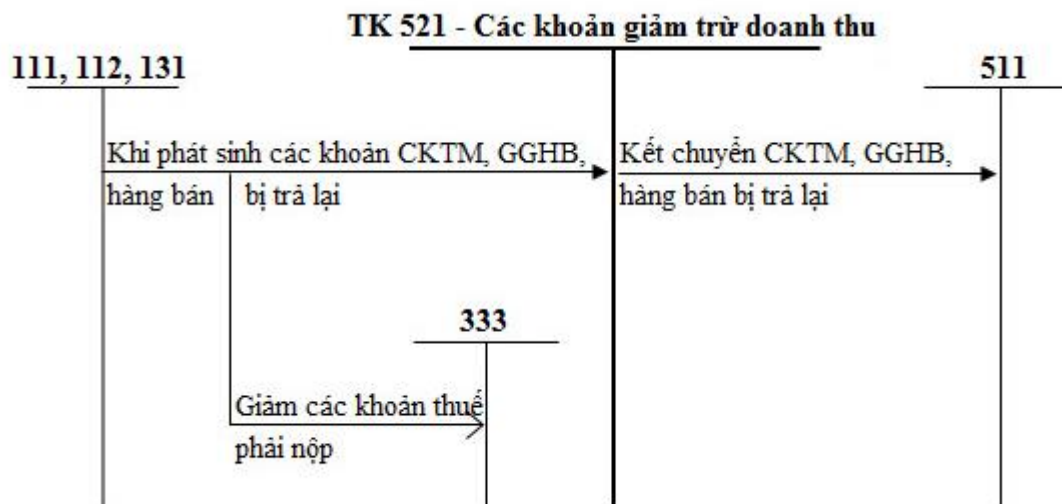
### **\*Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 521 dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

- Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:
  - +*Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ
  - +*Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.
  - +*Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.
- Bên Nợ:
  - +Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;
  - +Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng;
  - +Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán
- Bên Có: Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
- Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu không có số dư cuối kỳ.



**\*Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

**1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán**

**\*Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho**

- *Phương pháp giá thực tế đích danh:* khi áp dụng phương pháp này thì giá mua hàng hoá phải được theo dõi từng lô, từng loại hàng và theo dõi từ khâu mua đến khâu bán, do đó hàng hoá xuất bán thuộc lô nào thì giá vốn hàng bán chính là giá mua của hàng hoá đó.
- *Phương pháp bình quân gia quyền:*
  - +*Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:* là phương pháp tính được giá vốn của hàng hoá xuất bán ngày cuối kỳ trên cơ sở tính giá bình quân cả kỳ kinh doanh:

$$\text{Giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Giá thực tế của hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+*Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:* theo phương pháp này, trị giá vốn của hàng hoá xuất tính theo giá bình quân của lần nhập trước đó với nghiệp vụ xuất. Như vậy sau mỗi lần nhập kho phải tính lại giá bình quân của đơn vị hàng hoá trong kho làm cơ sở để tính giá hàng hoá xuất kho cho lần nhập sau đó.

- *Phương pháp nhập trước, xuất trước*: là phương pháp được dựa trên giá định là hàng hoá được nhập trước thì sẽ tiêu thụ trước. Do đó hàng tồn cuối kỳ là những hàng hoá nhập sau. Vì vậy, giá vốn hàng hoá xuất kho trong kỳ được tính theo giá của hàng hoá nhập trước.
- *Phương pháp giá bán lẻ*: Phương pháp này được áp dụng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

**\*Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

**\*Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 632 dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- Bên Nợ:
  - o Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:
    - +Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
    - +Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
    - +Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

+Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

○ Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh:

+Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ;

+Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT;

+Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ;

+Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ;

+Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ;

+Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá;

+Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.

- Bên Có:

+Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;

+Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

+Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

+Trị giá hàng bán bị trả lại;

+Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh);

+Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ;

+Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại;

+Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

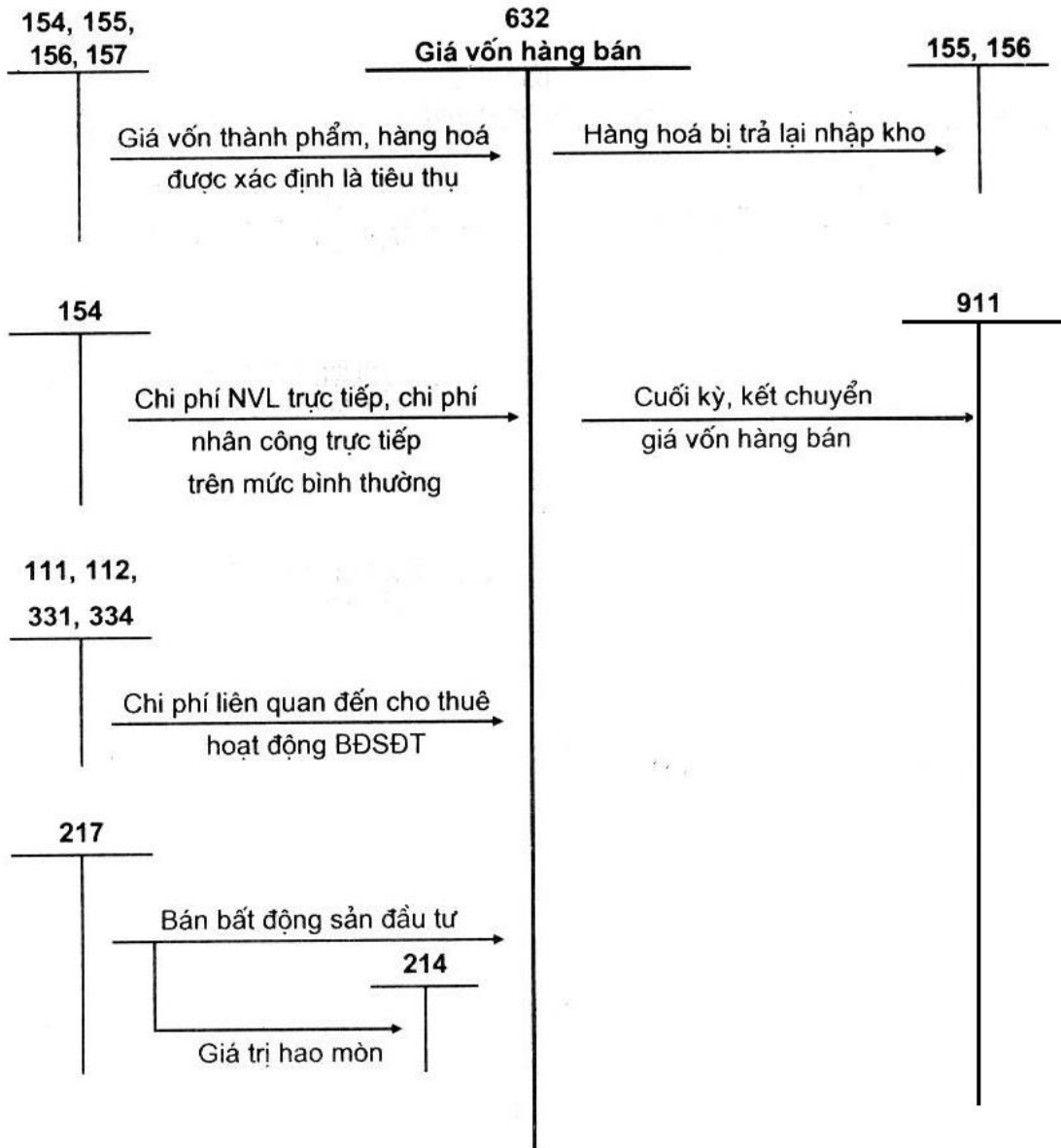
❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

○ Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại

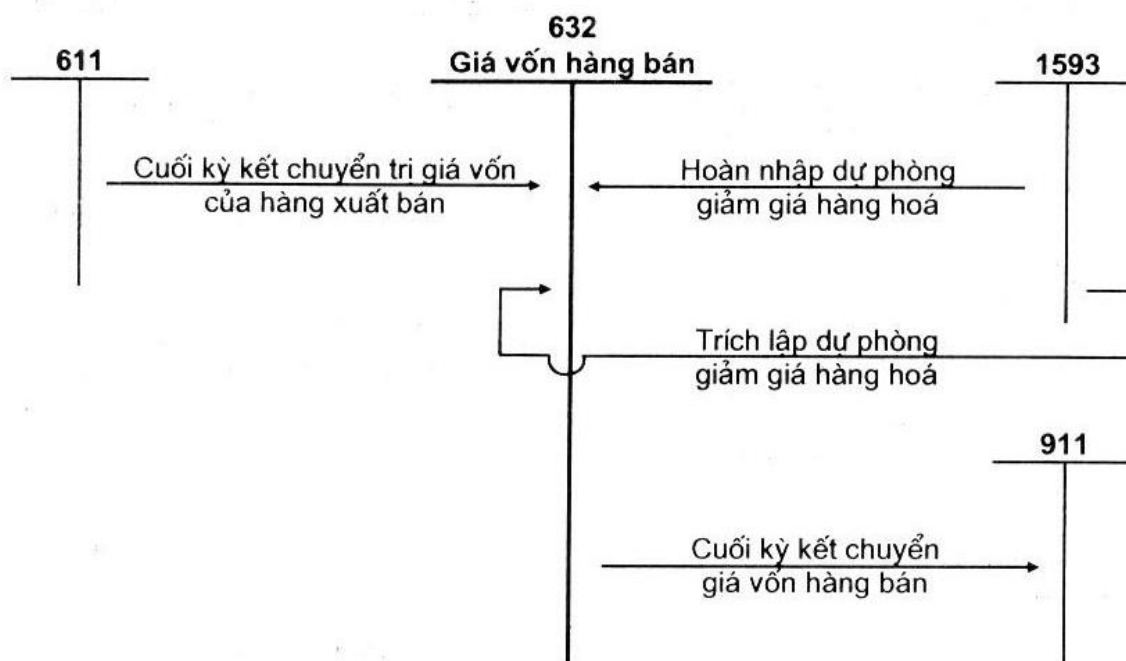
- Bên Nợ:

- +Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
- +Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Bên Có:
  - +Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
  - +Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
  - +Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ
  - Bên Nợ:
    - +Trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho đầu kỳ;
    - +Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
    - +Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
  - Bên Có:
    - +Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang”;
    - +Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
    - +Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- ❖ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

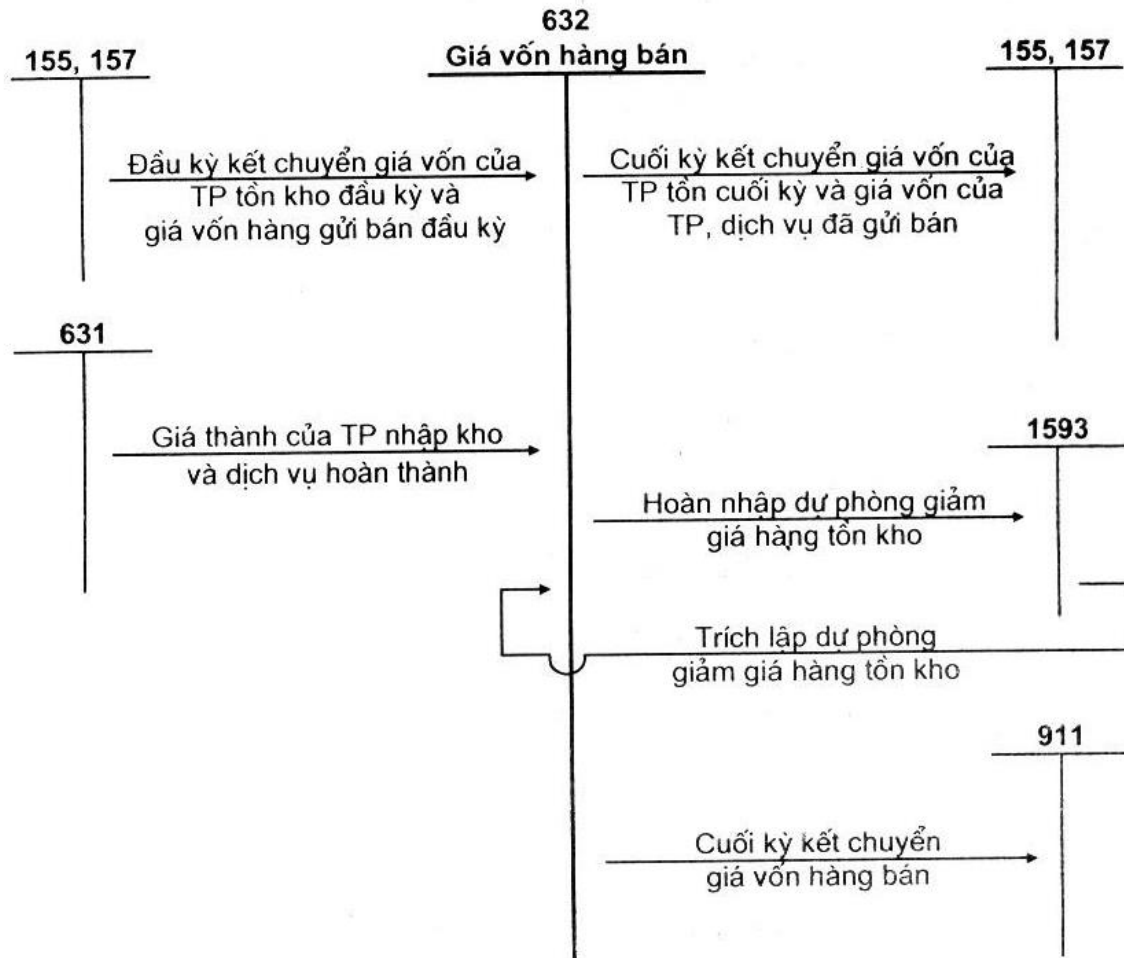
**\*Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp thương mại.



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ.

#### 1.5.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh kinh doanh

**\*Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ NVL,CCDC, bảng khấu hao TSCĐ.

**\*Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 642 dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:
  - +Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...),



bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

+Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

- Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

+Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

+Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Nợ:

+Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;

+Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

- Bên Có:

+Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;

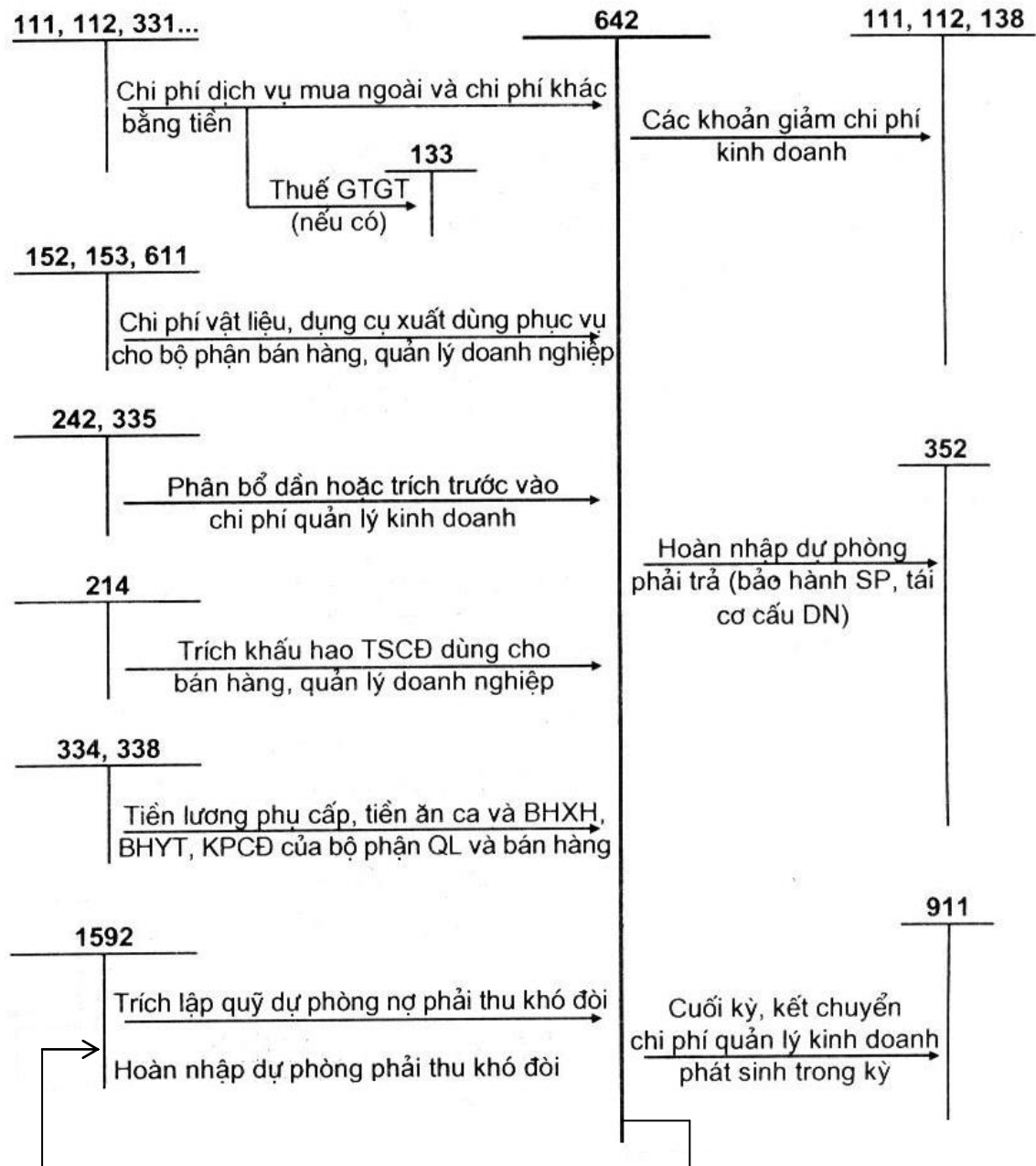
+Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

+Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.



**\*Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

**1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính**

**\*Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

**\*Tài khoản sử dụng:**

- ❖ Tài khoản 515 dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:
  - +Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
  - +Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
  - +Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;
  - +Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
  - +Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;
  - +Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.
- Bên Nợ:
  - +Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
  - +Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Bên Có: Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.
- ❖ Tài khoản 635 phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm:
  - +Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
  - +Chiết khấu thanh toán cho người mua;
  - +Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
  - +Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
  - +Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
  - +Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
  - +Các khoản chi phí tài chính khác.
- Bên Nợ:
  - +Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ;

+Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).

- Bên Có:

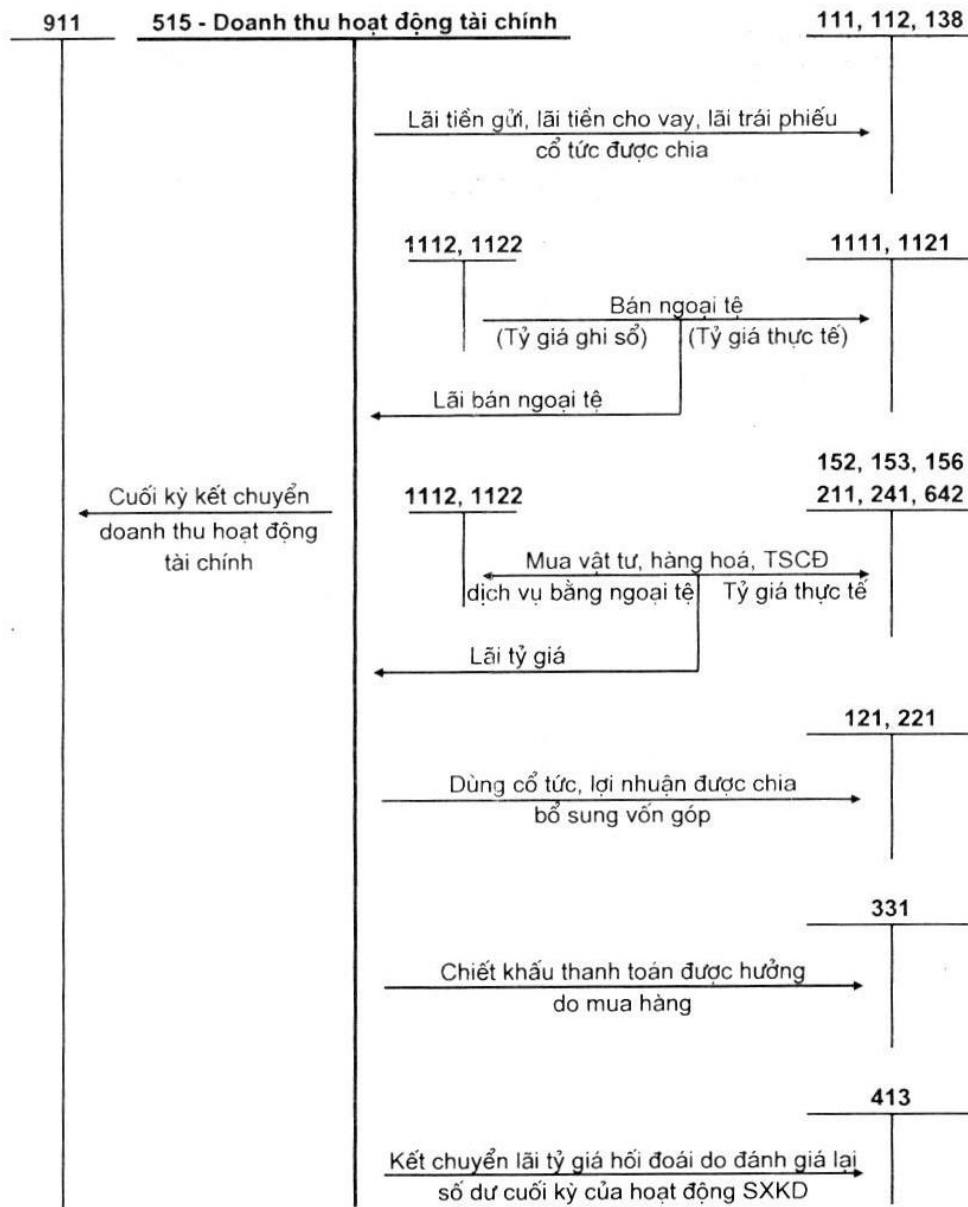
+Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

+Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;

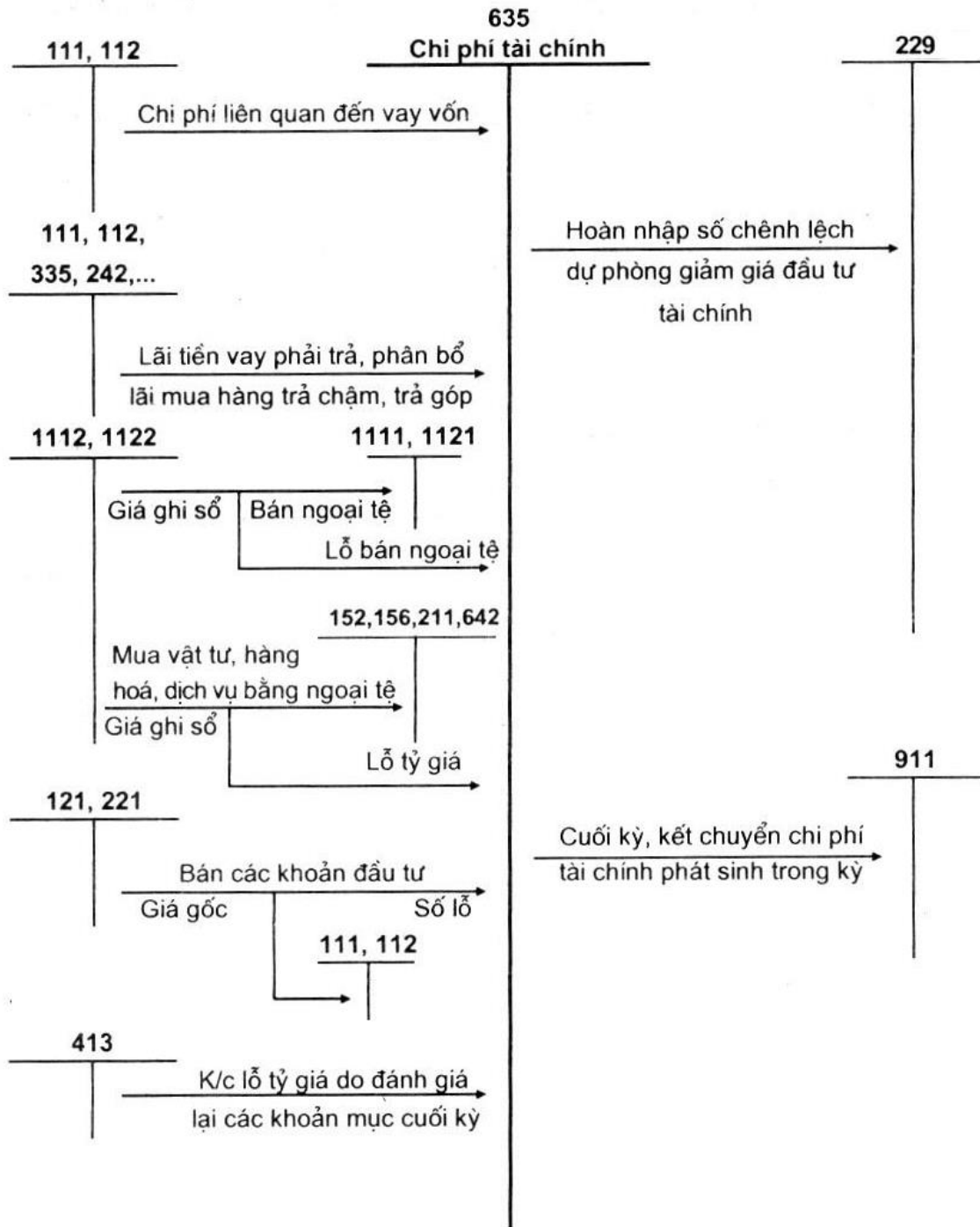
+Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

**\*Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán chi phí hoạt động tài chính

## **1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác**

### **\*Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi,...
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn liên doanh

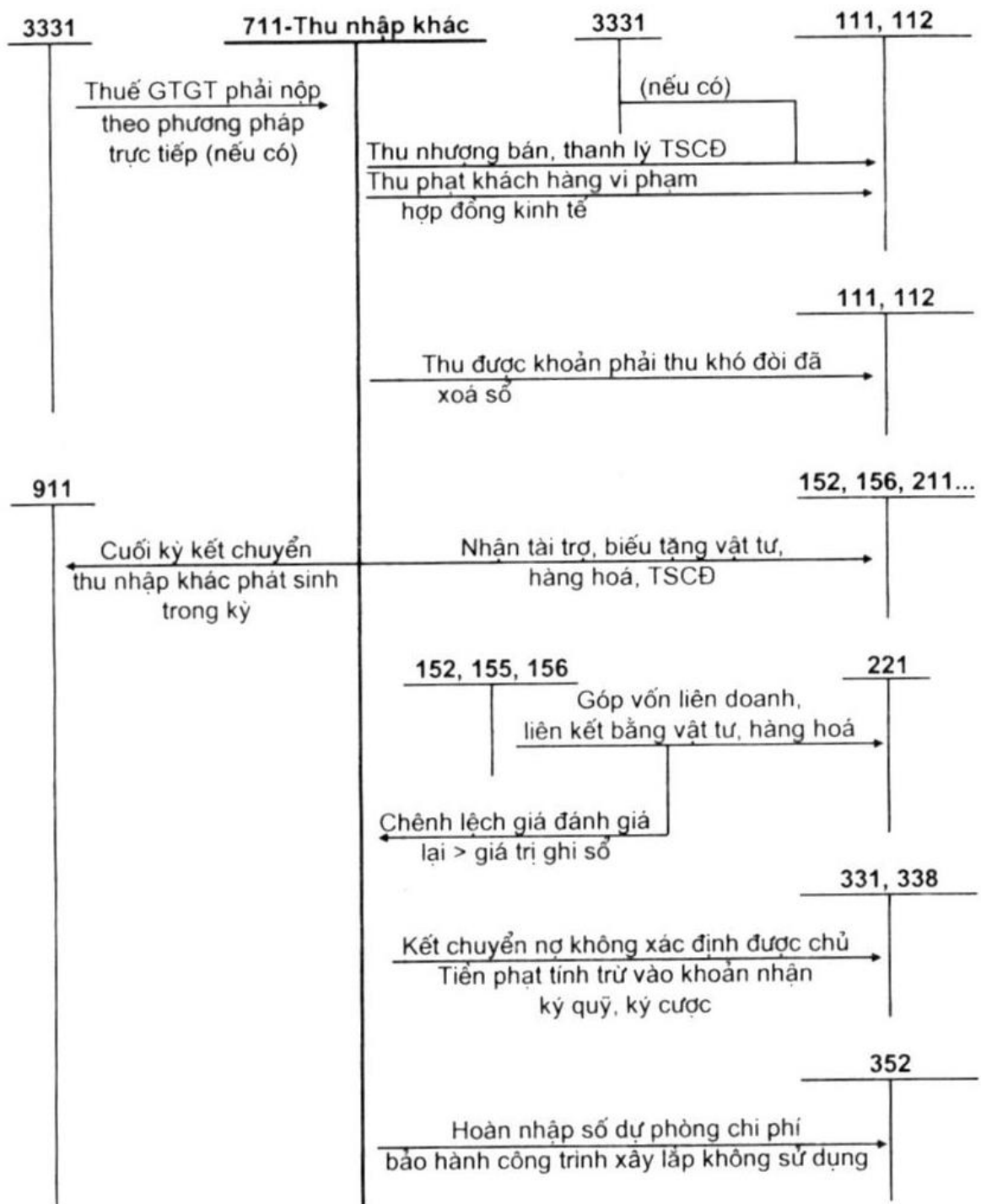
### **\*Tài khoản sử dụng:**

- ❖ Tài khoản 711 dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:
  - +Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
  - +Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
  - +Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
  - +Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
  - +Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
  - +Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
  - +Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
  - +Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
  - +Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
  - +Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
  - +Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;
  - +Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.
- Bên Nợ:
  - +Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
  - +Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Bên Có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Tài khoản 711 - Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.
  - ❖ Tài khoản 811 phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:
    - +Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
    - +Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
    - +Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
    - +Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
    - +Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
    - +Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
    - +Các khoản chi phí khác.
- Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.
- Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

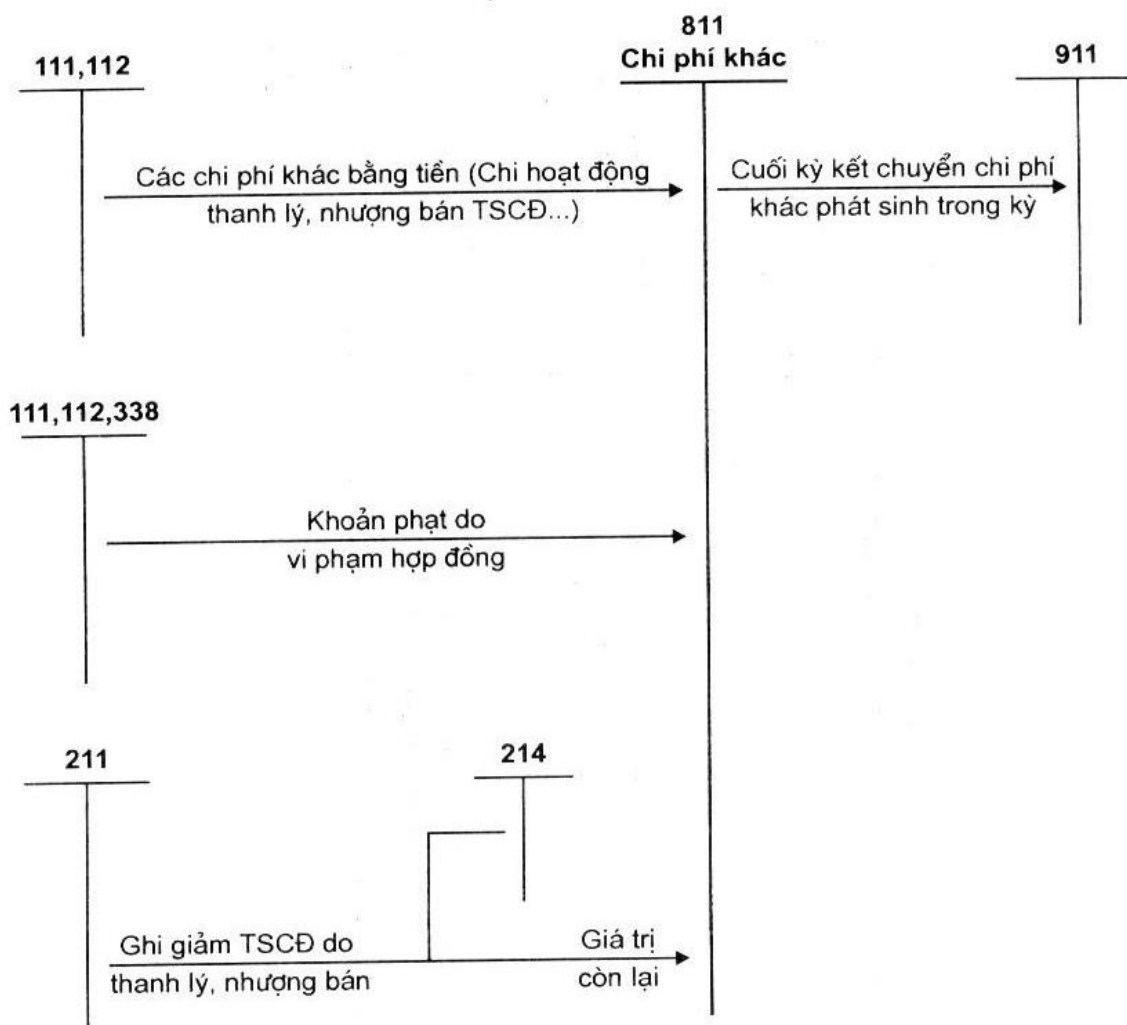


**\*Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán thu nhập hoạt động khác.





Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động khác.

## **1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp**

### **\*Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

### **\*Tài khoản sử dụng:**

- ❖ Tài khoản 911 dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.
- Bên Nợ
  - +Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
  - +Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
  - + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
  - +Kết chuyển lãi.
- Bên Có:
  - +Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
  - +Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
  - +Kết chuyển lỗ.
- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.
  - ❖ Tài khoản 821 dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.
- Bên Nợ:
  - +Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;
  - +Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.
- Bên Có:

+Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;

+Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại;

+Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 421 dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

- Tài khoản 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, có 2 tài khoản cấp 2:

+Tài khoản 4211 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước: Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước. Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện.

Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay” sang TK 4211 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước”.

+Tài khoản 4212 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay: Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

- Bên Nợ:

+Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

+Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;

+Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu;

+Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Bên Có:

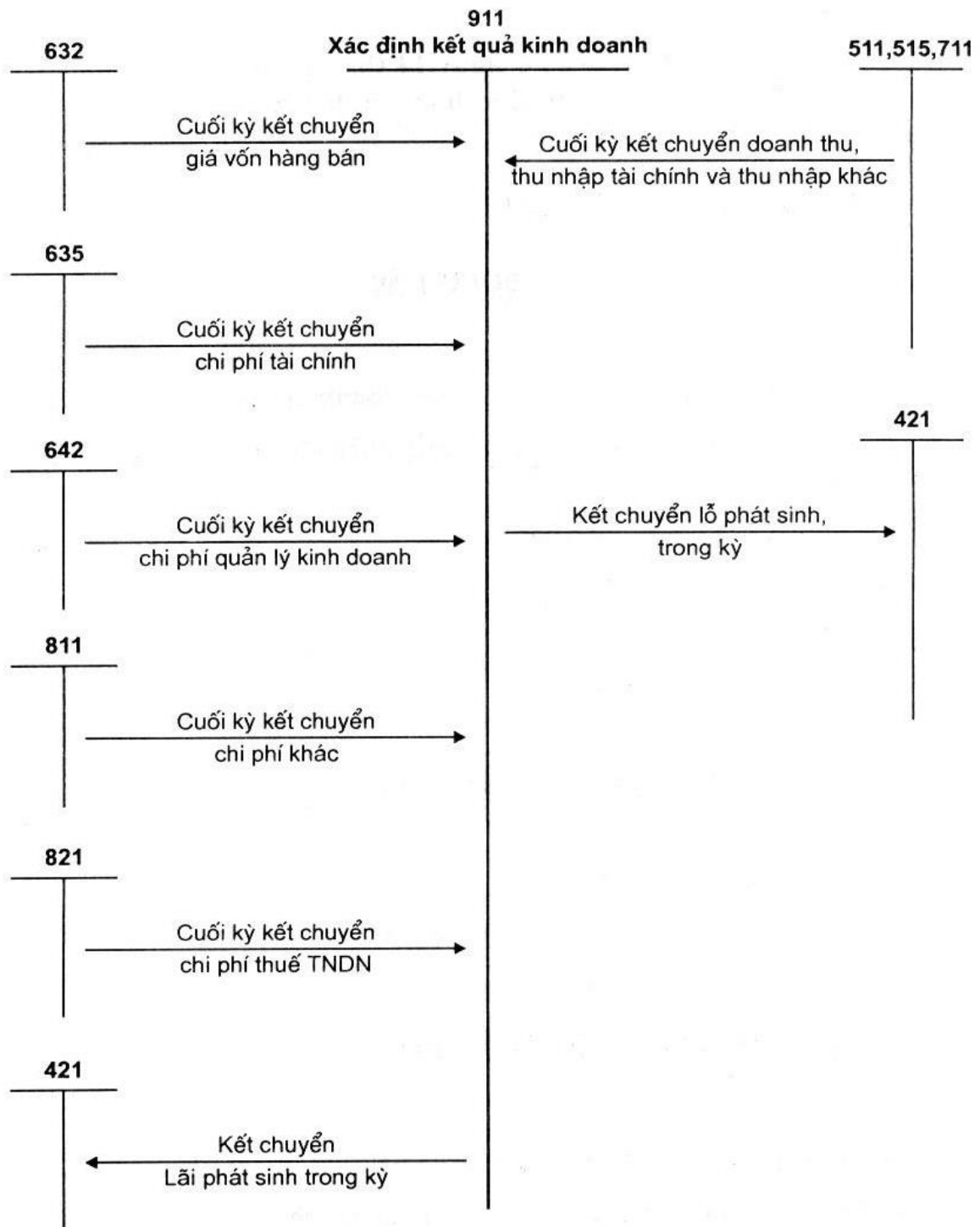
+Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;

+Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;

+Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

- Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.
  - +Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
  - +Số dư bên Có: Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

**\*Phương pháp hạch toán:**



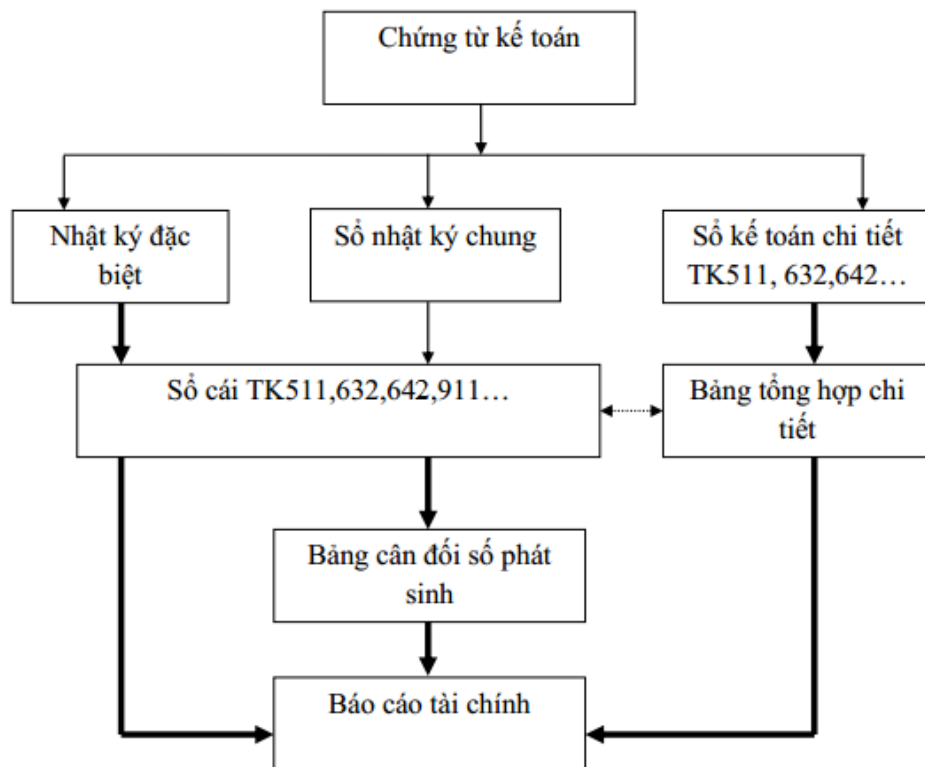
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

### 1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo QĐ48/2006, doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau:

a) Hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.
- Các loại sổ chủ yếu:
  - +Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
  - +Sổ cái;
  - +Các sổ kế toán chi tiết



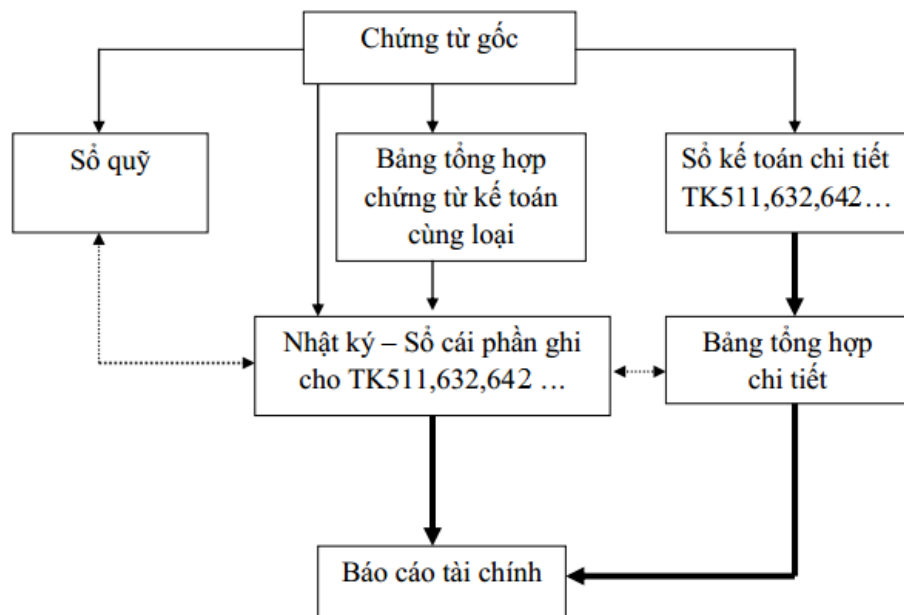
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

b) Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.

- Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Sổ nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.
- Các khoản sổ chủ yếu:
  - + Nhật ký – Sổ cái;
  - + Các sổ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

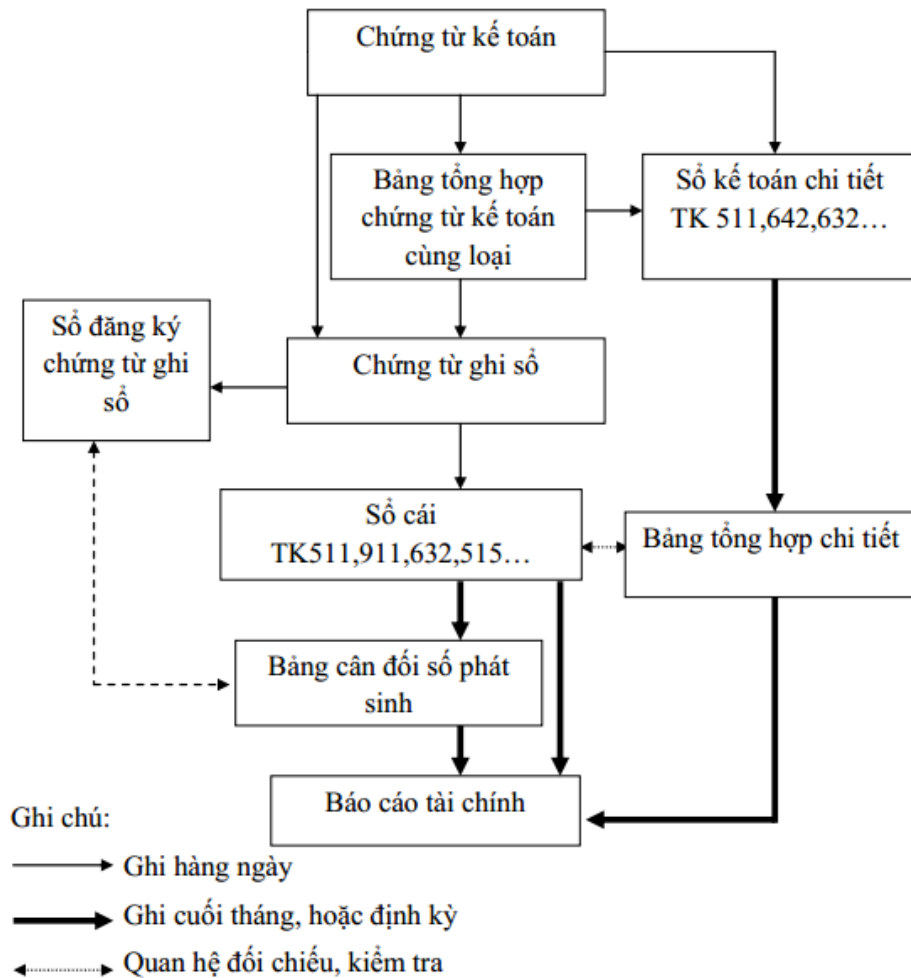
- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.

c) Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.
- Các loại sổ chủ yếu
  - + Chứng từ ghi sổ;
  - + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;

- +Sổ cái;
- +Các sổ kế toán chi tiết

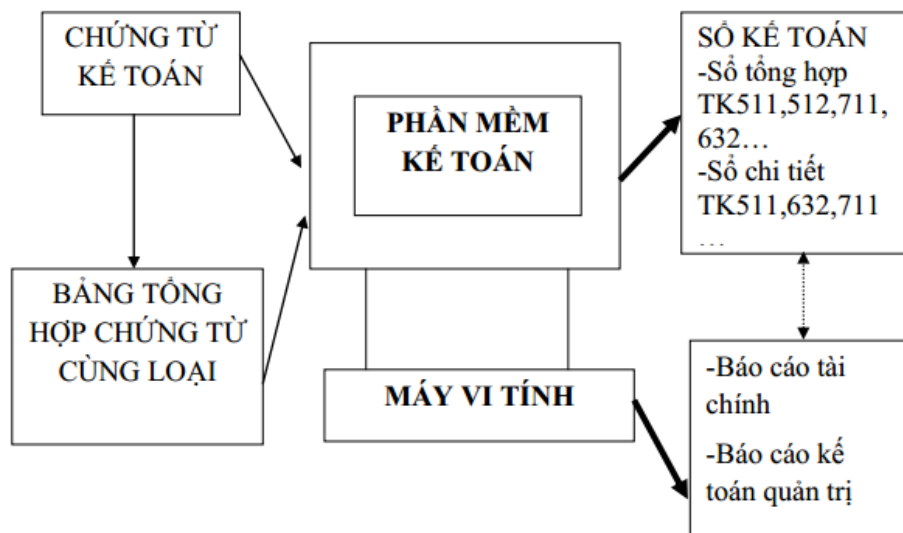


Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

d) Hình thức kế toán máy.

- Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.
- Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



**Ghi chú:**

- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.18: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy.



## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC

**2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

Tên doanh nghiệp	: Công ty TNHH Quản lý Tàu biển TTC	
Tên giao dịch	: <b>TTC SHIP MANAGEMENT COMPANY LIMITED</b>	
Địa chỉ	: Phòng 101 tòa nhà TTC, số 630 Lê Thánh Tông, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.	
Mã số thuế	: 0201184244	
Số điện thoại	: 0313.765840	Fax : 0313.765844
Người đại diện pháp lý	: <b>Đỗ Ngọc Bình</b>	
Loại hình doanh nghiệp	: Công ty TNHH có 2 thành viên trở lên	
Quy mô	: Doanh nghiệp vừa và nhỏ	
Hình thức sở hữu vốn	: Công ty TNHH	
Lĩnh vực kinh doanh	: Giao thông vận tải	
Ngành nghề kinh doanh	: Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương	

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC thành lập ngày 10 tháng 04 năm 2011.

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0201184244 do Sở kế hoạch & đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Mặc dù là một doanh nghiệp vừa và nhỏ mới được thành lập vào năm 2011, nhưng Công ty TNHH Quản lý Tàu biển TTC đã tạo được cho mình một vị thế có uy tín và vững chắc trong lĩnh vực vận tải tàu biển. Những năm qua, do nhận thấy tầm quan trọng cũng như tiềm năng của lĩnh vực vận tải tàu biển công ty đã không ngừng mở rộng và phát triển, nhờ đó nắm giữ được thị phần lớn trên

thị trường, tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm, phục vụ tốt nhất cho lợi ích khách hàng.

Cùng với đó là đội ngũ cán bộ công nhân viên am hiểu về ngành, có nhiệt huyết, đoàn kết cùng nhau góp sức cho sự phát triển của công ty.

Với việc thực hiện các chính sách thích hợp thì kết quả kinh doanh của công ty đã không ngừng được cải thiện trong các năm qua. Điều này được thể hiện thông qua bảng số liệu dưới đây của công ty trong 2 năm 2014 và 2015.

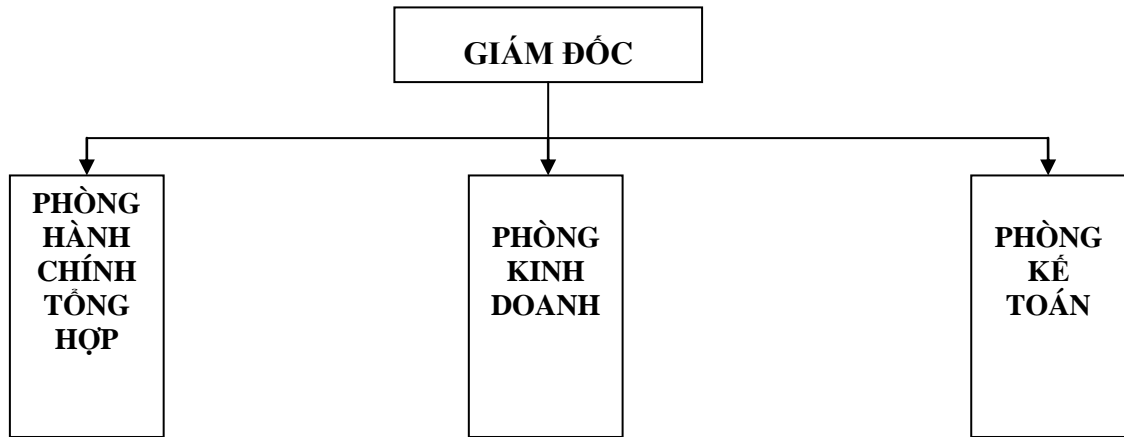
***Biểu số 2.1: Số liệu chứng minh cho sự phát triển của 2 năm gần đây về các chỉ tiêu tài chính.***

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2015</b>
1	Vốn kinh doanh bình quân	4.519.045.769	4.626.889.378
2	Tổng doanh thu	7.520.891.143	8.861.250.489
3	Tổng doanh thu thuần	7.520.891.143	8.861.250.489
4	Tổng GVHB	4.512.588.686	5.316.750.293
5	Tổng lợi nhuận gộp	3.008.392.457	3.544.500.196
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.548.082.308	1.701.948.973
7	Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng.	8.147.730	9.599.688

***2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.***

- Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC theo lĩnh vực hoạt động.
- Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC được hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC theo năm.

### 2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.



#### Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công Ty TNHH Quản lý Tàu biển TTC

+ **Giám đốc:** là người có quyền lực cao nhất trong Công ty. Giám đốc là người phụ trách chung tình hình kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Công ty, trong đó đặc biệt là hoạt động của phòng kinh doanh và phòng kế toán tài vụ và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động kế toán tài chính của Công ty trước cơ quan quản lý của Nhà nước.

+ **Phòng kinh doanh:** Bộ phận này làm nhiệm vụ tiếp cận khách hàng và nhà cung cấp, chuẩn bị các hợp đồng kinh tế. Dựa trên các hợp đồng kinh tế đã ký kết, phòng kinh doanh lập kế hoạch rồi trực tiếp tiến hành cung cấp dịch vụ cho khách hàng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc và kết hợp chặt chẽ với các phòng ban khác có liên quan.

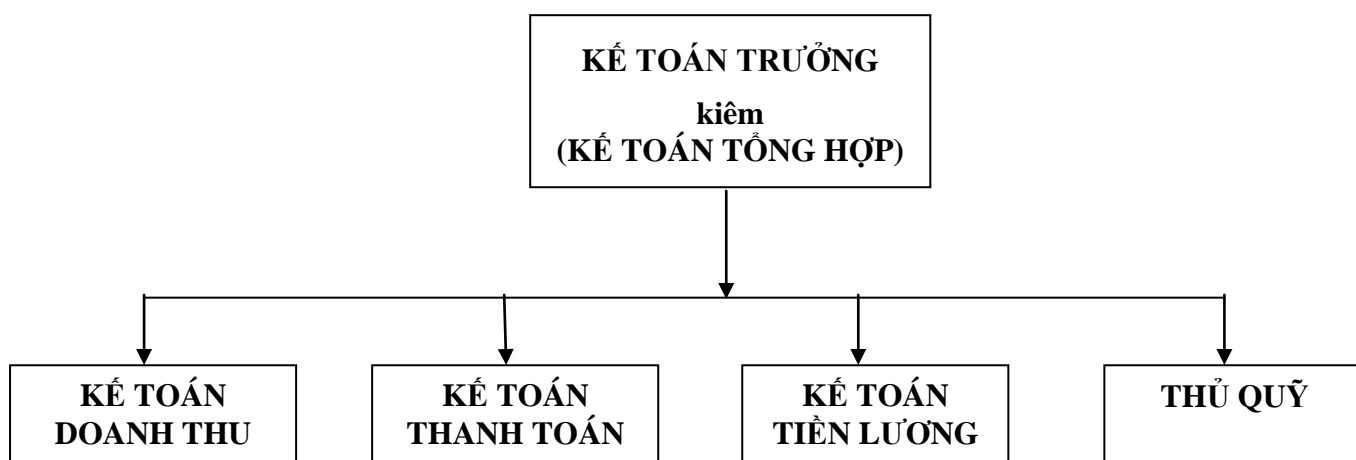
+ **Phòng kế toán:** Thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho hoạt động kinh doanh, cho công tác quản lý, tham mưu cho ban giám đốc, lập và thực hiện tốt các kế hoạch tài chính và các báo cáo các quy định.

+ **Phòng hành chính tổng hợp:** Bộ phận này có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về các mặt công tác tổ chức cán bộ nhân sự, công tác lao động tiền lương, tổ chức các phong trào thi đua, các hoạt động khen thưởng, kỷ luật.

#### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

Bộ máy kế toán của công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC được tổ chức theo hình thức tập trung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán.

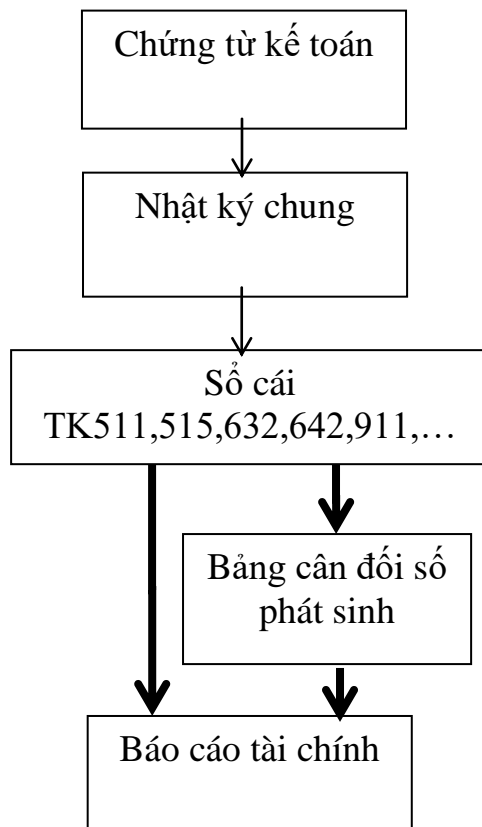
Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập trung đã giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.



#### **Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán tại Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006.

- Kỳ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm Dương lịch
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam
- Phương pháp khấu hao TSCĐ áp dụng : Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT : Theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Bình quân gia quyền cả kỳ
- Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung



**Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung.**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày                      →  
Ghi định kỳ                         →

**2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

**2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

**2.2.1.1. Nội dung kế toán doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**


a) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu tiền

- Giấy báo có
- b) Tài khoản sử dụng
  - TK511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- c) Phương pháp hạch toán

**Ví dụ 1:** Ngày 15/12/2015, phản ánh doanh thu vận chuyển gỗ bằng tàu An Bình 18 từ Hải Phòng đến Hồ Chí Minh theo hoá đơn GTGT số 0000121 (Biểu số 2.2), khách hàng chưa thanh toán.


**Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT**

		HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: nội bộ Ngày 15 tháng 12 năm 2015		Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số: 0000121	
		Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC Mã số thuế: 0201184244 Địa chỉ: Số 630 Lê Thánh Tông, P.Đông Hải 1, Q.Hải An, Tp.Hải Phòng Số tài khoản: 031.003000087 – NH TMCP Việt Nam Tín Nghĩa – CN Hải Phòng			
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MỸ Mã số thuế: 0308462568 Địa chỉ: 126 Tỉnh Lộ 19 KP.3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản: .....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	A	B	2	3	4=2x3
01	Cước vận chuyển gỗ tàu An Bình 18 từ HP đến HCM	M <sup>3</sup>	370	504.398,37	186.627.397
Cộng tiền hàng :					186.627.397
Thuế suất thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT :		18.662.739
Tổng cộng tiền thanh toán :					205.250.136
Số tiền bằng chữ : Hai trăm linh năm triệu, hai trăm năm mươi nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

**Ví dụ 2 :** Ngày 16/12/2015, phản ánh doanh thu vận chuyển cà phê bằng tàu An Biên 89 từ Đắk Lắk đến Hà Nội, theo hoá đơn GTGT số 0000122 (Biểu số 2.3) giá thanh toán 44.002.750 VND, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản theo giấy báo có số 1894 (Biểu 2.4)

**Biểu số 2.3 : Hoá đơn GTGT**

		HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001	
		GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/14P	
		Liên 3: nội bộ		Số: 0000122	
Ngày 16 tháng 12 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC					
Mã số thuế: 0201184244					
Địa chỉ: Số 630 Lê Thánh Tông, P.Đông Hải 1, Q.Hải An, Tp.Hải Phòng					
Số tài khoản: 031.003000087 – NH TMCP Việt Nam Tín Nghĩa – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG NGUYÊN FRANCHISING					
Mã số thuế: 0310939343					
Địa chỉ: Số 268 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.					
Hình thức thanh toán: CK. Số tài khoản: 0231000599559-NH TMCP Ngoại Thương VN.					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	A	B	2	3	4=2x3
01	Cước vận chuyển cà phê tàu An Biên 89 từ Đắk Lắk đến HN	Tấn	100	400.025	40.002.500
Cộng tiền hàng :					40.002.500
Thuế suất thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			4.000.250
Tổng cộng tiền thanh toán :					44.002.750
Số tiền bằng chữ : <i>Bốn mươi bốn triệu, không trăm linh hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

*(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)*



**Biểu số 2.4 : Giấy báo có**



Chi nhánh : CN Hải Phòng

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 16/12/201

Mã GDV: NGUYEN THI BICH

Mã KH: 64213

Số GD: 1894

Kính gửi: Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC

Mã số thuế: 0201184244

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có 0118100001403008

Số tiền bằng số 44.002.750

Số tiền bằng chữ Bốn mươi bốn triệu, không trăm linh hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng chẵn.

Nội dung Thu tiền cuộc vận chuyển cá phê tàu An Biên 89 của Công ty CP Trung Nguyên Franchising.


Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

**Ví dụ 3** : Ngày 17/12/2015, phản ánh doanh thu cước vận chuyển xi măng bằng tàu Hải Bình 16 từ Hải Phòng đến Nghệ An, theo hoá đơn GTGT số 0000123 (Biểu số 2.5), giá thanh toán 19.801.540 VND , khách hàng thanh toán bằng tiền mặt theo phiếu thu số PT09.12 (Biểu số 2.6)

**Biểu số 2.5 : Hoá đơn GTGT**

		HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: nội bộ Ngày 17 tháng 12 năm 2015		Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số: 0000123	
		Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC Mã số thuế: 0201184244 Địa chỉ: Số 630 Lê Thánh Tông, P.Đông Hải 1, Q.Hải An, Tp.Hải Phòng Số tài khoản: 031.003000087 – NH TMCP Việt Nam Tín Nghĩa – CN Hải Phòng			
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV XI MANG VICEM HAI PHONG Mã số thuế: 0200155219 Địa chỉ: Tràng Kênh, Thị trấn Minh Đức, Huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng. Hình thức thanh toán: TM. Số tài khoản: .....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	A	B	2	3	4=2x3
01	Cước vận chuyển xi măng tàu Hải Bình 16 từ HP đến Nghệ An	Tấn	40	450.035	18.001.400
Cộng tiền hàng :					18.001.400
Thuế suất thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			1.800.140
Tổng cộng tiền thanh toán :					19.801.540
Số tiền bằng chữ : Mười chín triệu, tám trăm linh một nghìn, năm trăm bốn mươi đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

**Biểu số 2.6 : Phiếu thu**

Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng			<b>Mẫu số 01 – TT</b> <i>(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của BTC)</i>	
<b>PHIẾU THU</b>				
Ngày 17 tháng 12 năm 2015			Nợ 111: 19.801.540	
Số hiệu: PT09.12			Có 511: 18.001.400	
			Có 3331: 1.800.140	
Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Hương			Địa chỉ : Phòng TC-KT	
Lý do thu: Thu tiền cước tàu Hải Bình 16 vận chuyển xi măng từ Hải Phòng – Nghệ An.				
Số tiền: <b>19.801.540 VND</b> Bằng chữ: Mười chín triệu, tám trăm linh một nghìn, năm trăm bốn mươi đồng chẵn.				
Kèm theo:    01      Chứng từ gốc: HĐGTGT0000123				
<b>Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):</b> .....				
<i>Ngày 17 Tháng 12 Năm 2015</i>				
<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	<b>Kế toán trưởng</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Người lập phiếu</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Thủ quỹ</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Người nộp tiền</b> <i>(Ký, họ tên)</i>

*(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)*

Căn cứ vào HDGTGT (Biểu số 2.2), HDGTGT (Biểu số 2.3), GBC (Biểu số 2.4), HDGTGT (Biểu số 2.5), Phiếu thu (Biểu số 2.6), kế toán ghi sổ Nhật ký chung như biểu số 2.7

**Biểu số 2.7 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2015**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**NĂM 2015**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong năm</b>				
...	...	...	...	...	...	...	...
15/12	HD0000121	15/12	Cước vận chuyển gỗ tàu An Bình 18 từ HP đến HCM	x	131	205.250.136	
				x	511		186.627.397
				x	3331		18.662.739
16/12	GBC1894 HD0000122	16/12	Cước vận chuyển cà phê tàu An Biên 89 từ Đắk Lắk đến HN	x	112	44.002.750	
				x	511		40.002.500
				x	3331		4.000.250
17/12	PT09.12 HD0000123	17/12	Cước vận chuyển xi măng tàu Hải Bình 16 từ HP đến Nghệ An	x	111	19.801.540	
				x	511		18.001.400
				x	3331		1.800.140
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>24.921.582.144</b>	<b>24.921.582.144</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào NKC (Biểu số 2.7), kế toán ghi vào sổ cái TK511 như biểu số 2.8 :

**Biểu số 2.8 : Trích sổ cái TK511 năm 2015 :**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**

Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 511 - Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
...	...	...	...	...	...	...
15/12	HĐ0000121	15/12	Cước vận chuyển gỗ tàu An Bình 18 từ HP đến HCM	131		186.627.396
16/12	HĐ0000122 GBC1894	16/12	Cước vận chuyển cà phê tàu An Biên 89 từ Đắk Lắk đến HN	112		44.002.750
17/12	HĐ0000123 PT09.12	17/12	Cước vận chuyển xi măng tàu Hải Bình 16 từ HP đến Nghệ An	111		19.801.540
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>8.861.250.489</b>	<b>8.861.250.489</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

**2.2.1.2. Nội dung kế toán giá vốn hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

- a) Chứng từ sử dụng :
  - Phiếu kế toán
- b) Tài khoản sử dụng :
  - TK632 – Giá vốn hàng bán.
- c) Phương pháp hạch toán :

Ngày 31/12/2015, kế toán lập Phiếu kế toán PKT20.12 (Biểu số 2.9) kết chuyển chi phí giá vốn dịch vụ vận tải từ TK154 sang TK632 của tháng 12.

**Biểu số 2.9 : Phiếu kế toán**

<b>CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC</b> Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng				
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Số chứng từ: PKT20.12				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
1	Kết chuyển 154	632	154	416.600.667
	Cộng			416.600.667
Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Bốn trăm mười sáu triệu, sáu trăm nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng chẵn.				
Số chứng từ gốc kèm theo: <b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2015 <b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)		

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào PKT (Biểu số 2.9) kế toán ghi vào sổ NKC như biểu số 2.10

**Biểu số 2.10 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2015**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**

Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG  
NĂM 2015**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong năm</b>				
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT20.12	31/12	Kết chuyển TK154 sang TK 632 của tháng 12	x	632	416.600.667	
				x	154		416.600.667
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>24.921.582.144</b>	<b>24.921.582.144</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào NKC (Biểu số 2.10) kế toán ghi vào sổ cái TK632 (Biểu số 2.11)

**Biểu số 2.11 : Trích sổ cái TK632 năm 2015 :**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 632 - Tên TK: Giá vốn hàng bán

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT20.12	31/12	Kết chuyển TK154 sang TK632 của tháng 12	154	416.600.667	
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>5.316.750.293</b>	<b>5.316.750.293</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)



**2.2.1.3. Nội dung kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

- a) Chứng từ sử dụng
  - Hoá đơn GTGT
  - Phiếu chi
  - Giấy báo Nợ
  - Bảng phân bổ tiền lương
  - Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
  - Các chứng từ khác có liên quan
- b) Tài khoản sử dụng
  - TK642 – Chi phí quản lý kinh doanh
- c) Phương pháp hạch toán

**Ví dụ 1** : Ngày 5/12/2015, công ty chi tiền mua văn phòng phẩm theo hoá đơn GTGT số 0000153 (Biểu số 2.12), thanh toán ngay bằng tiền mặt 1.006.390 VND (VAT 10%) theo Phiếu chi số 02.12 (Biểu số 2.13).

**Biểu số 2.12 : Hoá đơn GTGT**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số : 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AA/14P		
Ngày 05 tháng 12 năm 2015			Số: 0000153		
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200729600					
Địa chỉ: Tổ 1, khu dân cư Phương Lung, P.Hung Đạo, Q.Dương Kinh, Hải Phòng					
Điện thoại: 0313634001			Fax: 0313634008		
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC					
Mã số thuế: 0201184244					
Địa chỉ: Số 630 Lê Thánh Tông, P.Đông Hải 1, Q.Hải An, Tp.HP					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy in Double A A4 80	RAM	7	65.700	459.900
2	Bút bi	Hộp	5	60.000	300.000
3	Máy dập ghim Deli	Chiếc	1	330.000	330.000
4	Máy đục lỗ Trio	Chiếc	1	125.000	125.000
Cộng tiền hàng:					914.900
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		91.490	
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.006.390
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu, không trăm linh sáu ngàn, ba trăm chín mươi đồng chẵn.					
Người mua hàng:		Người bán hàng:		Thủ trưởng đơn vị:	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký và đóng dấu)	

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

**Biểu số 2.13 : Phiếu chi**

Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng		<b>Mẫu số 02 – TT</b> (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của BTC)		
<b>PHIẾU CHI</b>				
		Ngày 05 tháng 12 năm 2015	Nợ 642: 914.900	
		Số hiệu: PC02.12	Nợ 133: 91.490	
			Có 111: 1.006.390	
Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Tuấn Dũng		Địa chỉ : Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hải Phòng		
Lý do nộp: Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm.				
Số tiền: <b>1.006.390 VND</b> Bằng chữ: Một triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, ba trăm chín mươi đồng chẵn.				
Kèm theo: 01      Chứng từ gốc: HĐGTGT0000153				
<b>Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):</b> .....				
		Ngày 05 Tháng 12 Năm 2015		
<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận tiền</b> (Ký, họ tên)

(Nguồn: Trích từ phòng kế toán đơn vị)

*Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

**Ví dụ 2:** Ngày 31/12/2015, Công ty tính lương phải trả tháng 12 cho người lao động, từ đó lập bảng phân bổ tiền lương như biểu số 2.14

**Biểu số 2.14: Bảng phân bổ tiền lương tháng 12/2015.**

Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số 11 – LĐTL**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG**

Tháng 12 năm 2015

Stt	Ghi có TK Ghi nợ Các TK	Lương phải trả người lao động Cộng có TK 334	Lương trích bảo hiểm	TK 338								Cộng có TK 338
				Các khoản trích tính vào chi phí				Các khoản trích tính trừ vào lương				
				BHXH 18%	BHYT 3%	BHTN 1%	Cộng 22%	BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	Cộng 10.5%	
1	TK 642	86.397.192	86.397.192	15.551.495	2.591.916	863.972	19.007.382					19.007.382
2	TK 154	201.593.449	201.593.449	36.286.821	6.047.803	2.015.934	44.350.559					44.350.559
2	TK 334							23.039.251	4.319.860	2.879.906	30.239.017	30.239.017
	<b>Tổng</b>	<b>287.990.641</b>	<b>287.990.641</b>	<b>51.838.315</b>	<b>8.639.719</b>	<b>2.879.906</b>	<b>63.357.941</b>	<b>23.039.251</b>	<b>4.319.860</b>	<b>2.879.906</b>	<b>30.239.017</b>	<b>93.596.958</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

**Ví dụ 3 :** Ngày 31/12/2015, Công ty trích khấu hao TSCĐ tháng 12, kế toán lập bảng phân bổ khấu hao như biểu 2.15

**Biểu số 2.15 : Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12.**

Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số 06-TSCĐ**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**BẢNG PHÂN BỔ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tháng 12 năm 2015

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ khấu hao hoặc thời gian sử dụng	Nguyên giá TSCĐ	Số khấu hao	TK 642	TK 154
1	I. Số khấu hao trích tháng trước	30	46.616.717.000	129.490.883	19.400.813	110.090.070
2	II. Số khấu hao tăng tháng này					
3	III. Số khấu hao giảm tháng này					
4	IV. Số khấu hao tháng này	30	46.616.717.000	129.490.883	19.400.813	110.090.070

Người lập biểu  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thủ trưởng đơn vị  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ hoá đơn GTGT (Biểu số 2.12), Phiếu chi (Biểu số 2.13), Bảng phân bổ tiền lương (Biểu số 2.14), Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ (Biểu số 2.15), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.16

**Biểu số 2.16: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2015**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**NĂM 2015**

Ngày tháng ghi số	CT		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	SH TK	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
05/12	HD0000153 PC02.12	05/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	x	642	914.900	
				x	133	91.490	
				x	111		1.006.390
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPBTL.12	31/12	-Tính lương phải trả CBCNV tháng 12  -Trích theo lương tháng 12	x	642	86.397.192	
				x	154	201.593.449	
				x	334		287.990.641
				x	642	19.007.382	
				x	154	44.350.559	
				x	334	30.239.017	
				x	338		93.596.958
31/12	BPKH.12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	x	642	19.400.813	
				x	154	110.090.070	
				x	214		129.490.883
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Tổng cộng</b>			<b>24.921.582.144</b>	<b>24.921.582.144</b>

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015  
Thủ trưởng đơn vị  
(ký tên, đóng dấu)

Căn cứ sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.16), kế toán ghi vào Sổ cái TK642 như biểu số 2.17

**Biểu số 2.17: Trích Sổ cái 642**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 642 - Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu năm</b>			
		Số phát sinh trong năm			
...	...	...	...	...	...
HD0000153	05/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	914.900	
...	...	...	...	...	...
BPBTL.12	31/12	-Tính lương phải trả cán bộ công nhân viên tháng 12	334	86.397.192	
		-Trích các khoản theo lương tháng 12	338	19.007.382	
BPBKH.12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	214	19.400.813	
...	...	...	...	...	...
		Cộng phát sinh		<b>1.960.871.223</b>	<b>1.960.871.223</b>
		<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

### **2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

#### **a) Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

#### **b) Tài khoản sử dụng**


- TK515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK635 - Chi phí tài chính

#### **c) Phương pháp hạch toán**

**Ví dụ 1**: Ngày 30/12/2015, Công ty nhận được giấy báo có về lãi tiền gửi ngân hàng ACB tháng 12 (Biểu số 2.18)



**Biểu số 2.18 : Giấy báo có**

 ASIA COMMERCIAL BANK NGÂN HÀNG Á CHÂU	<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	Mã GDV: NGUYEN THI BICH
Chi nhánh : CN Hải Phòng	Ngày 30/12/2015	Mã KH: 64213
		Số GD: 2553
Kính gửi: Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC Mã số thuế: 0201184244		
Hom nay chung toi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau		
Số tài khoản ghi có 0118100001403008		
Số tiền bằng số	1.890.117	
Số tiền bằng chữ	Một triệu, tám trăm chín mươi nghìn, một trăm mười bảy đồng chẵn.	
Nội dung	Lai nhập gốc tháng 12/2015	
Giao dịch viên		Kiểm soát

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ giấy báo có (Biểu số 2.18) kế toán ghi sổ Nhật ký chung như biểu số 2.19 :

**Biểu số 2.19 : Trích sổ nhật ký chung năm 2015**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**

Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

**NĂM 2015**

Ngày tháng ghi sổ	CT		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	SH TK	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
30/12	GBC30.12	30/12	Lãi nhập gốc tài khoản ngân hàng ACB	x	112	1.890.117	
				x	515		1.890.117
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Tổng cộng</b>			<b>24.921.582.144</b>	<b>24.921.582.144</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.19) kế toán ghi vào sổ cái TK515 như biểu số 2.20

**Biểu số 2.20 : Trích sổ cái 515**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 515 - Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu năm</b>			
		Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...
GBC30.12	30/12	Lãi nhập gốc tài khoản ngân hàng ACB	112		1.890.117
...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>118.320.000</b>	<b>118.320.000</b>
		<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

**2.2.3. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

Trong năm 2015, Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC không phát sinh nghiệp vụ nào về thu nhập khác và chi phí khác.

**2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

a) Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

b) Tài khoản sử dụng

- TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- TK821 – Chi phí thuế TNDN.
- TK421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

c) Phương pháp hạch toán

- Cuối năm, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 511,515, kế toán tiến hành bù trừ hai bên Nợ - Có để tìm số tiền cần kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số 21 phản ánh việc kết chuyển doanh thu, thu nhập như biểu số 2.21.

**Biểu số 2.21 : Phiếu kế toán PKT21.12**

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC**

Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số chứng từ: PKT21.12

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Thành tiền</b>
<b>A</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>D</b>	
1	Kết chuyển 511	511	911	8.861.250.489
2	Kết chuyển 515	515	911	118.320.000
	Cộng			8.979.570.489

Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Tám tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm tám mươi chín đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập phiếu**

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

- Cuối năm, căn cứ vào số liệu trên số cái TK 632,642, kế toán tiến hành bù trừ hai bên Nợ - Có để tìm số tiền cần kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số 22 phản ánh việc kết chuyển chi phí kinh doanh như biểu số 2.22.

**Biểu số 2.22 : Phiếu kế toán PKT22.12**

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC**

Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số chứng từ: PKT22.12

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Thành tiền</b>
<b>A</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>D</b>	
1	Kết chuyển 632	911	632	5.316.750.293
2	Kết chuyển 642	911	642	1.960.871.223
	Cộng			7.277.621.516

Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Bảy tỷ, hai trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, năm trăm mười sáu đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào phiếu kế toán số 21,22, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.23

**Biểu số 2.23 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2015**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**

Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG  
NĂM 2015**

Ngày tháng ghi sổ	CT		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT21.12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	x	511	8.861.250.489	
				x	911		8.861.250.489
31/12	PKT21.12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	x	515	118.320.000	
				x	911		118.320.000
31/12	PKT22.12	31/12	Kết chuyển giá vốn	x	911	5.316.750.293	
				x	632		5.316.750.293
31/12	PKT22.12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	x	911	1.960.871.223	
				x	642		1.960.871.223
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Tổng cộng</b>			<b>24.921.582.144</b>	<b>24.921.582.144</b>

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thủ trưởng đơn vị  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.23) kế toán ghi vào sổ cái TK511, 515, 632, 642, 911 như các biểu số 2.24, 2.25, 2.26, 2.27, 2.28

**Biểu số 2.24 : Trích sổ cái TK511 năm 2015 :**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**

Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 511 - Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT21.12	31/12	Kết chuyển 511	911	8.861.250.489	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>8.861.250.489</b>	<b>8.861.250.489</b>
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)



**Biểu số 2.25 : Trích sổ cái TK515 năm 2015 :**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 515 - Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT21.12	31/12	Kết chuyển 515	911	118.320.000	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>118.320.000</b>	<b>118.320.000</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

**Biểu số 2.26 : Trích sổ cái TK632 năm 2015 :**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 632 - Tên TK: Giá vốn hàng bán

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT22.12	31/12	Kết chuyển 632	911		5.316.750.293
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>5.316.750.293</b>	<b>5.316.750.293</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

**Biểu số 2.27 : Trích sổ cái TK642 năm 2015 :**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 642 - Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT22.12	31/12	Kết chuyển 642	911		1.960.871.223
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.960.871.223</b>	<b>1.960.871.223</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

**Biểu số 2.28 : Trích sổ cái TK911 năm 2015 :**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 911 - Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
31/12	PKT21.12	31/12	Kết chuyển 511	511		8.861.250.489
31/12	PKT21.12	31/12	Kết chuyển 515	515		118.320.000
31/12	PKT22.12	31/12	Kết chuyển 632	632	5.316.750.293	
31/12	PKT22.12	31/12	Kết chuyển 642	642	1.960.871.223	
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>8.979.570.489</b>	<b>8.979.570.489</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào sổ cái TK911, kế toán xác định số lợi nhuận trước thuế TNDN, từ đó lập phiếu kế toán số 23 phản ánh số thuế TNDN phải nộp năm 2015 như biểu số 2.29

**Biểu số 2.29 : Phiếu kế toán**

<b>CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC</b>				
Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng				
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Số chứng từ: PKT23.12				
<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Thành tiền</b>
<b>A</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>D</b>	
1	Xác định số thuế TNDN phải nộp	821	3334	340.389.795
	Cộng			340.389.795
Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Ba trăm bốn mươi triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng chẵn.				
Số chứng từ gốc kèm theo:		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
<b>Người lập phiếu</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		

(Nguồn : Trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào phiếu kế toán số 23, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.30

**Biểu số 2.30 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2015.**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**NĂM 2015**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong năm</b>				
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT23.12	31/12	Xác định số thuế TNDN phải nộp năm 2015	x	821	340.389.795	
				x	3334		340.389.795
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>24.921.582.144</b>	<b>24.921.582.144</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.30) kê toán ghi vào Sổ cái TK821 như biểu số 2.31

**Biểu số 2.31 : Trích sổ cái TK821 năm 2015 :**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 821 - Tên TK: Chi phí thuế TNDN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
31/12	PKT23.12	31/12	Xác định số thuế TNDN phải nộp năm 2015	3334	340.389.795	
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>340.389.795</b>	<b>340.389.795</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào Sổ cái TK821 (Biểu số 2.31), kế toán xác định số chi phí thuế TNDN cần kết chuyển, từ đó lập Phiếu kế toán số 24 phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2015 như biểu số 2.32

**Biểu số 2.32 : Phiếu kế toán PKT24.12**

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC**

Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số chứng từ: PKT24.12

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Thành tiền</b>
<b>A</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>D</b>	
1	Kết chuyển 821	911	821	340.389.795
	Cộng			340.389.795

Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Ba trăm bốn mươi triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập phiếu**

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

*(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)*



Căn cứ vào phiếu kế toán số 24, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.33

**Biểu số 2.33 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2015.**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**NĂM 2015**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong năm</b>				
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT24.12	31/12	Kết chuyển 821	x	911	340.389.795	
				x	821		340.389.795
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>24.921.582.144</b>	<b>24.921.582.144</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.33) kê toán ghi vào Sổ cái TK821, 911 như các biểu số 2.34, 2.35

**Biểu số 2.34 : Trích sổ cái TK821 năm 2015 :**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 821 - Tên TK: Chi phí thuế TNDN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
31/12	PKT23.12	31/12	Xác định số thuế TNDN phải nộp năm 2015	3334	340.389.795	
31/12	PKT24.12	31/12	Kết chuyển 821	911		340.389.795
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>340.389.795</b>	<b>340.389.795</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

**Biểu số 2.35 : Trích sổ cái TK911 năm 2015 :**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**

Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 911 - Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
31/12	PKT21.12	31/12	Kết chuyển 511	511		8.861.250.489
31/12	PKT21.12	31/12	Kết chuyển 515	515		118.320.000
31/12	PKT22.12	31/12	Kết chuyển 632	632	5.316.750.293	
31/12	PKT22.12	31/12	Kết chuyển 642	642	1.960.871.223	
31/12	PKT24.12	31/12	Kết chuyển 821	821	340.389.795	
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>8.979.570.489</b>	<b>8.979.570.489</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào Sổ cái TK 911, kế toán xác định số lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015, từ đó lập Phiếu kế toán số 25 phản ánh số lợi nhuận sau thuế như biểu số 2.36

**Biểu số 2.36 : Phiếu kế toán PKT25.12**

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC**

Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số chứng từ: PKT25.12

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Thành tiền</b>
<b>A</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>D</b>	
1	Lợi nhuận sau thuế	911	421	1.361.559.178
	Cộng			1.361.559.178

Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Một tỷ, ba trăm sáu mươi một triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

*(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)*

Căn cứ vào phiếu kế toán số 25, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.37

**Biểu số 2.37 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2015.**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**NĂM 2015**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong năm</b>				
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT25.12	31/12	Lợi nhuận sau thuế	x	911	1.361.559.178	
				x	421		1.361.559.178
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>24.921.582.144</b>	<b>24.921.582.144</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.37) kế toán ghi vào Sổ cái TK911, 421 như các biểu số 2.38, 2.39

**Biểu số 2.38 : Trích sổ cái TK911 năm 2015 :**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**

Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu: 911 - Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
31/12	PKT21.12	31/12	Kết chuyển 511	511		8.861.250.489
31/12	PKT21.12	31/12	Kết chuyển 515	515		118.320.000
31/12	PKT22.12	31/12	Kết chuyển 632	632	5.316.750.293	
31/12	PKT22.12	31/12	Kết chuyển 642	642	1.960.871.223	
31/12	PKT24.12	31/12	Kết chuyển 821	821	340.389.795	
31/12	PKT25.12	31/12	Lợi nhuận sau thuế	421	1.361.559.178	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>8.979.570.489</b>	<b>8.979.570.489</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn : trích từ phòng kế toán đơn vị)

**Biểu số 2.39 : Trích sổ cái TK421 năm 2015 :**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**  
Số 630 Lê Thánh Tông – Đông Hải 1 – Hải An – Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu : 421 – Tên TK : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					<b>195.411.273</b>
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT25.12	31/12	Kết chuyển LNST năm nay			911		1.361.559.178
			Cộng phát sinh				1.238.465.847	1.361.559.178
			Số dư cuối năm					<b>318.504.604</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Căn cứ vào Sổ cái các tài khoản liên quan, kế toán lập Bảng cân đối tài khoản năm 2015 như biểu số 2.40 để kiểm tra tính chính xác của số liệu trước khi lập báo cáo tài chính

**Biểu số 2.40 : Bảng cân đối tài khoản năm 2015**

**Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC**

Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của BTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
..	...	...	...	...	...	..	...
421	Lợi nhuận chưa phân phối		195.411.273	1.238.465.847	1.361.559.178		318.504.604
511	Doanh thu bán hàng			8.861.250.489	8.861.250.489		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			118.320.000	118.320.000		
632	Giá vốn hàng bán			5.316.750.293	5.316.750.293		
642	Chi phí quản lý kinh doanh			1.960.871.223	1.960.871.223		
821	Chi phí thuế TNDN			340.389.795	340.389.795		
911	Xác định kết quả kinh doanh			8.979.570.489	8.979.570.489		
<b>Cộng</b>		<b>3.156.289.511</b>	<b>3.156.289.511</b>	<b>24.921.582.144</b>	<b>24.921.582.144</b>	<b>3.890.752.110</b>	<b>3.890.752.110</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)



Căn cứ vào các Sổ cái TK 511, TK515, TK632, TK642, TK821, kế toán lập Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 như biểu số 2.41

**Biểu số 2.41. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị: Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC

Địa chỉ: Số 630 Lê Thánh Tông, P.Đông Hải 1,

Q.Hải An, Tp.Hải Phòng

Mẫu số B02 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	8.861.250.489	7.520.981.143
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8.861.250.489	7.520.981.143
4. Giá vốn hàng bán	11		5.316.750.293	4.512.588.686
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.544.500.196	3.008.392.457
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		118.320.000	118.320.000
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.960.871.223	1.578.630.149
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		1.701.948.973	1.548.082.308
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	1.701.948.973	1.548.082.308
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		340.389.795	309.616.462
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.361.559.178	1.238.465.847

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2015.

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

### **CHƯƠNG 3**

## **MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC**

### **3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

#### **3.1.1. Ưu điểm**

- *Về công tác quản lý:*
  - + Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.
  - + Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng, nhanh chóng.
- *Về công tác kế toán:*
  - + Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.
  - + Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.
- *Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:*
  - + Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.
  - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng hóa một cách dễ dàng.
- *Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*
  - + Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.
  - + Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.
  - + Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng

được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty. Giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

### **3.1.2. Hạn chế**

- Công ty vẫn chưa hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng.
- Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. Áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.
- Công ty vẫn chưa hạch toán đầy đủ các khoản trích theo lương theo quy định của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.
- Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC, mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Gama, Fast Accounting, ...

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh**

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh**

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao.

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất...,phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

### **3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

#### **3.4.1. Kiến nghị 1: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí**

- *Lý do kiến nghị:* Kế toán tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC chưa mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng.
- *Mục tiêu của giải pháp:* Nếu Công ty mở sổ chi tiết doanh thu, chi phí thì công tác kế toán sẽ quản lý được cụ thể, chi tiết, chặt chẽ đến từng mặt hàng của Công ty
- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Mở các sổ chi tiết như biểu số 3.1, 3.2:

**Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng**

Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S17-DDN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tài khoản: 511

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211,5212,5213 )
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số S18-DDN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các TK: 154, 642, 632)

- Tài khoản
  - Tên phân xưởng
  - Tên sản phẩm, dịch vụ
- Tháng..... năm.....

Đơn vị tính: .....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền	Chia ra			
	Số hiệu	Ngày, tháng				...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
			...						
			- Cộng số phát sinh trong kỳ						
			- Ghi có TK						
			- Số dư cuối kỳ						

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

- *Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp:* Nếu Công ty mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho Công ty thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm. Từ đó Công ty sẽ đưa ra những quyết định xem nên mở rộng, thu hẹp hay ngừng kinh doanh mặt hàng nào của Công ty.

#### **3.4.2. Kiến nghị 2: Trích kinh phí công đoàn tính vào chi phí**

- *Lý do kiến nghị:* Công ty chưa thực hiện trích KPCĐ theo quy định.
- *Mục tiêu của giải pháp:* Tính các khoản trích theo lương đầy đủ theo quy định của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.
- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Trích 2% KPCĐ trên quỹ tiền lương đóng BHXH tính vào chi phí. Sau đó tiến hành bổ sung khoản trích KPCĐ vào mẫu bảng phân bổ tiền lương sau:

**Biểu số 3.3: Bảng phân bổ tiền lương**

Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC  
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

**Mẫu số 11 – LĐTL**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG**

Tháng 12 năm 2015

S T T	Ghi có TK  Ghi nợ Các TK	Lương phải trả người lao động Cộng có TK 334	Lương trích bảo hiểm	TK 338									Cộng có TK 338
				Các khoản trích tính vào chi phí					Các khoản trích tính trừ vào lương				
				BHXH 18%	BHYT 3%	BHTN 1%	KPCĐ 2%	Cộng 24%	BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	Cộng 10.5%	
1	TK 642	86.397.192	86.397.192	15.551.495	2.591.916	863.972	1.727.944	20.735.326					20.735.326
2	TK 154	201.593.449	201.593.449	36.286.821	6.047.803	2.015.934	4.031.869	48.382.428					48.382.428
2	TK 334								23.039.251	4.319.860	2.879.906	30.239.017	30.239.017
	<b>Tổng</b>	<b>287.990.641</b>	<b>287.990.641</b>	<b>51.838.315</b>	<b>8.639.719</b>	<b>2.879.906</b>	<b>5.759.813</b>	<b>69.117.754</b>	<b>23.039.251</b>	<b>4.319.860</b>	<b>2.879.906</b>	<b>30.239.017</b>	<b>99.356.771</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)



- *Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp:* Thực hiện đầy đủ các khoản trích theo lương theo đúng tỷ lệ quy định, thêm khoản chi phí hợp lý hợp lệ tính vào chi phí.

### **3.4.3. Kiến nghị 3: Ứng dụng phần mềm kế toán**

- *Lý do kiến nghị:* Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán nhưng nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán của Công ty mất rất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.
  - *Mục tiêu của giải pháp:* Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời
  - *Cách thức tiến hành giải pháp:* Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Vacom, Fast....
- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

*Thông tin phần mềm:* MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET 2015 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

Giao diện phần mềm:



Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

- Thông tin về giá cả các gói sản phẩm là:

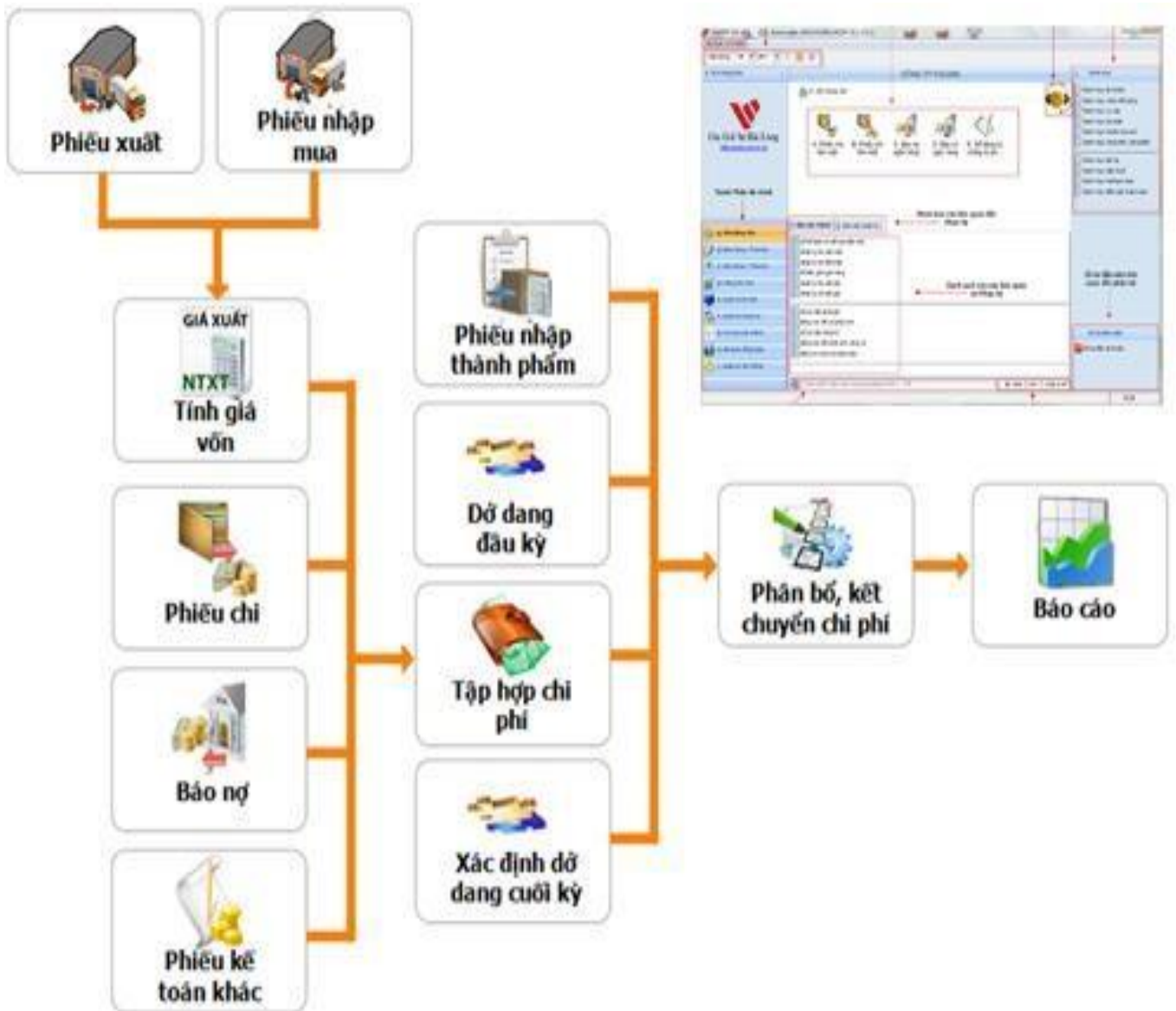
Gói sản phẩm	Đơn giá	Mô tả
Express	Miễn phí	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Starter	2.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000 đồng	Gồm 11 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Professional	8.950.000 đồng	Gồm 13 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Enterprise	10.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần Misa (MISA JSC).

Liên hệ: [www.misa.com.vn](http://www.misa.com.vn).

➤ Phần mềm kế toán VACOM

Giao diện phần mềm:



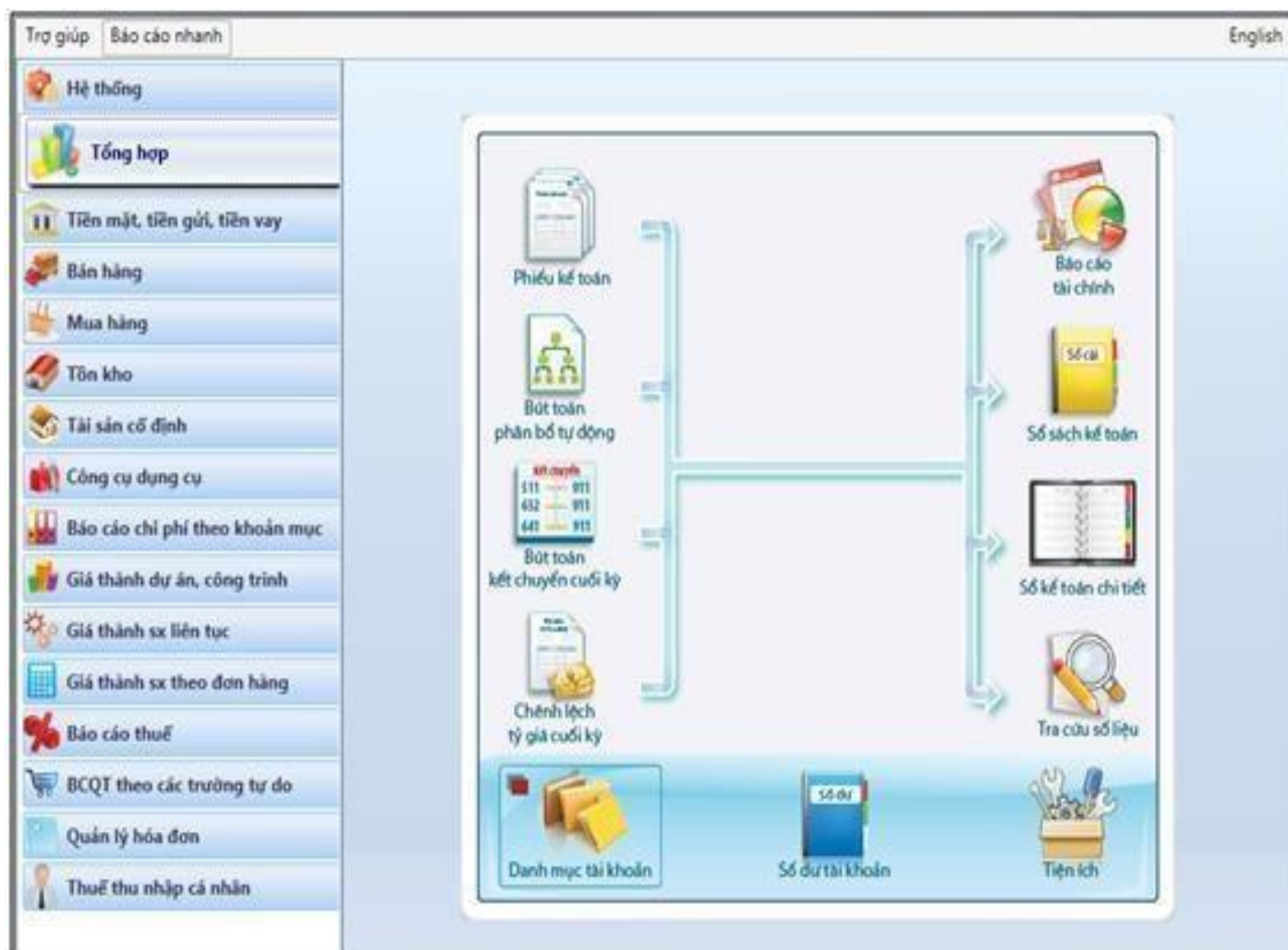
**Hình 3.2. Giao diện phần mềm kế toán máy VACOM**

- Thông tin về gói sản phẩm, thông tin về giá cả: liên hệ đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần công nghệ phần mềm kế toán VACOM.
- Website: [www.vacom.com.vn](http://www.vacom.com.vn)

➤ Phần mềm Kế toán Fast accounting

*Thông tin phần mềm:* Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất....

*Giao diện phần mềm:*



**Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015**

- Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.
- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: [www.fast.com.vn](http://www.fast.com.vn)
- *Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp:* Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm được thời gian, chi phí và sức

lao động, nâng cao hiệu quả công việc. Các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn và chuyên nghiệp hơn.

### **3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.**

#### **3.4.1. Về phía Nhà nước**

- Có chính sách hỗ trợ doanh để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.
- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, có tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

#### **3.4.2. Về phía doanh nghiệp**

+ Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp

+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

+ Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phân hành và giữa các phân hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra

+ Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng. Đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp.



## KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của các doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực em đã áp dụng cơ sở lý luận được học ở trường và thực hiện công tác “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC” đã giúp em nắm bắt được một số đặc điểm về công tác kế toán ở công ty. Có thể thấy Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC có hệ thống đầy đủ những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp. Đồng thời cũng phản ánh khách quan, toàn diện về công tác kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán chung tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC như:

- Kiến nghị về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.
- Kiến nghị về trích kinh phí công đoàn tính vào chi phí.
- Kiến nghị về việc áp dụng phần mềm kế toán

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự giúp đỡ hướng dẫn tận tình của Ths. Nguyễn Đức Kiên và của ban lãnh đạo, các phòng ban trong Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong có được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy, cô giáo cùng cán bộ phòng kế toán của Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và phòng kế toán tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này!

Em xin chân thành cảm ơn!

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Tài chính (Năm 2006), chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, NXB Lao động – Xã hội.
2. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.
4. TS. Bùi Văn Dương ( Năm 2007), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
5. TS. Phạm Huy Đoán (Năm 2004), *Hệ thống kế toán doanh nghiệp*, NXB tài chính Hà Nội.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 12 năm 2016

Sinh viên

Nguyễn Thị Thuỳ Linh

